

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

ĐỖ THỊ MINH LOAN

**ÁP DỤNG HÌNH PHẠT THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN HUYỆN PHÚC THỌ,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. VÕ KHÁNH VINH

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả trong luận văn chưa được công bố trong bất kì công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo tính chính xác và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học viện khoa học xã hội Hà Nội.

NGƯỜI CAM ĐOAN

ĐỖ THỊ MINH LOAN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN.....	7
1.1 Khái niệm và đặc điểm của áp dụng hình phạt trong xét xử của Tòa án nhân dân	7
1.2 Các nội dung của hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án	20
1.3 Các tiêu chí đánh giá kết quả áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án nhân dân	32
Chương 2: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TRONG XÉT XỬ HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TẠI HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	37
2.1 Đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội của huyện Phúc Thọ; Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân tại huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	37
2.2 Kết quả áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ	41
2.3 Những hạn chế, tồn tại trong áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ	46
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG HÌNH PHẠT ĐÚNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN	58
3.1 Các quan điểm về bảo đảm áp dụng hình phạt đúng trong xét xử hình sự	58
3.2 Các giải pháp bảo đảm áp dụng hình phạt đúng trong xét xử hình sự	63
KẾT LUẬN	73
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	75

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADPL: Áp dụng pháp luật

BLHS: Bộ luật hình sự

BLHS 1999: Được hiểu là BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009

BLTTHS: Bộ luật tố tụng hình sự

CN-XDCB: Công nghiệp - xây dựng cơ bản

HĐXX: Hội đồng xét xử

MTTQ: Mặt trận Tổ quốc

TAND: Tòa án nhân dân

TANDTC: Tòa án nhân dân tối cao

XHCN: Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền tư pháp được thực hiện thông qua hoạt động của các cơ quan tư pháp, trong đó hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân (TAND) thể hiện tập trung nhất của quyền tư pháp, thể hiện nền công lý, sự công bằng và bình đẳng của các chủ thể trước pháp luật. Vì vậy, mục tiêu của chiến lược cải cách tư pháp ở nước ta đến năm 2020 đã được chỉ ra trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị (gọi tắt là Nghị quyết số 49-NQ/TW) là: "Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao" [7].

Trong hệ thống các cơ quan tư pháp Việt Nam, Tòa án được xác định là trung tâm, xét xử là trọng tâm của nền tư pháp; việc nâng cao chất lượng hoạt động xét xử của Tòa án được coi là khâu đột phá của quá trình cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCHN) trong giai đoạn hiện nay. Trong thời gian qua, các Tòa án đã có nhiều cố gắng trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 "Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" (gọi tắt là Nghị quyết số 08-NQ/TW) là: ... "việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo,... để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định" [6]...

Phúc Thọ là một huyện nằm ở phía Tây Bắc Thủ đô Hà Nội, cách trung tâm Thủ đô khoảng trên 30km, có diện tích tự nhiên 117km², dân số 18,4 vạn người, gồm 22 xã và 01 thị trấn, chia làm 2 vùng sản xuất khác nhau (vùng đồng và vùng bãi). Trong những năm gần đây, kinh tế của huyện có những bước phát triển khá, tăng trưởng bình quân đạt mức cao và ổn định. Tuy nhiên, trong những năm vừa

qua, cùng với sự phát triển về kinh tế, xã hội của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Phúc Thọ trong những năm gần đây ngày càng phát triển về số lượng vụ án, số lượng người phạm tội, quy mô, phương thức, thủ đoạn thực hiện hết sức tinh vi, độ tuổi cũng ngày càng trẻ hóa... không chỉ gây thiệt hại về kinh tế, suy thoái về đạo đức văn hóa, lối sống mà còn làm mất an ninh, trật tự, gây bức xúc, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ hàng năm đã đưa ra xét xử hàng trăm vụ án hình sự các loại với hàng trăm bị cáo, hoạt động xét xử đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Thông qua hoạt động xét xử hình sự - áp dụng hình phạt trên của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã góp phần đảm bảo trật tự, an toàn được giữ vững, công cuộc đấu tranh và phòng chống tội phạm được đẩy mạnh.

Tuy nhiên, cũng như công tác tư pháp nói chung, chất lượng xét xử hình sự và áp dụng hình phạt trên địa bàn huyện Phúc Thọ vẫn chưa thực sự ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của Nhà nước và Nhân dân. Chính sách hình sự còn hạn chế, quy định về hoạt động quyết định áp dụng hình phạt còn chưa đảm bảo. Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp còn bất hợp lý. Trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Vẫn còn một số vụ án hoạt động áp dụng hình phạt còn tranh cãi, mức hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ, có kháng cáo và kháng nghị, số lượng án cải sửa vẫn còn do lỗi chủ quan. Mặc dù các bản án sai sót không nhiều, nhưng ảnh hưởng không tốt đến uy tín của Thẩm phán, tính công bằng, công lý của Tòa án; xâm hại đến quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công dân, làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và các cơ quan tư pháp. Chính vì vậy, việc nghiên cứu về việc áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Từ những phân tích và lập luận nêu trên tác giả quyết định chọn đề tài ***“Áp dụng hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Phúc Thọ,***

thành phố Hà Nội” làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở nước ta hiện nay, vấn đề áp dụng hình phạt trong hoạt động giải quyết án hình sự của TAND luôn luôn là đề tài thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học pháp lý và đã có những bài viết có giá trị. Những bài viết đó góp phần làm sáng tỏ mối liên hệ giữa lý luận khoa học pháp lý với thực tiễn, vì vậy trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần quan trọng trong việc bảo đảm áp dụng hình phạt của TAND.

Gần đây có một số công trình nghiên cứu về áp dụng hình phạt trong hoạt động giải quyết, xét xử của TAND đã được công bố như: Luận án tiến sĩ của tác giả Lê Xuân Thân: *"Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay"*, năm 2004; Luận án tiến sĩ của tác giả: Chu Thị Trang Vân: *"Hoạt động áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án Việt Nam"*, năm 2009; Luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Đức Hiệp: *"Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử án hình sự của Tòa án nhân dân ở tỉnh Ninh Bình"*, năm 2004; Luận văn thạc sĩ của tác giả Lê Thị Kim Chung: *"Vi phạm pháp luật trong hoạt động giải quyết các vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay"*, năm 2005; Luận văn thạc sĩ của tác giả Trần Văn Kiểm: *"Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử án hình sự của Tòa án nhân dân ở tỉnh Nam Định"*, năm 2010; Tác giả Lưu Tiến Dũng với bài: *"Bàn về áp dụng pháp luật trong công tác xét xử"*, Tạp chí TAND, số tháng 5/2005; Tác giả Chu Thị Trang Vân với bài: *"Vai trò sáng tạo của Tòa án trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự"*, Tạp chí Lập pháp, số 27, tháng 9/2007; Tác giả Nguyễn Ngọc Chí với bài: *"Chức năng của Tòa án trong tổ tụng hình sự trước yêu cầu cải cách tư pháp"*, Tạp chí Khoa học, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2009; Tác giả Đinh Văn Quế - nguyên Chánh tòa hình sự - TANDTC với bài: *"Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, những vấn đề lý luận và thực tiễn"*.

Tuy nhiên, cho đến hiện nay chưa có đề tài nào ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học nghiên cứu cụ thể về “Áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự” trên địa bàn cụ thể. Do đó, việc chọn vấn đề nghiên cứu của tác giả càng cho thấy ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án nhân dân, thông qua đó đề xuất các giải pháp nhằm làm hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về vấn đề này và nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu trên, đề tài có những nhiệm vụ nghiên cứu như sau:

- Làm rõ cơ sở lý luận của áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ án hình sự nói chung cũng như hoạt động áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án nhân dân nói riêng; Phân tích quy định của pháp luật về áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án nhân dân trong đó có cả quy định trong BLHS và BLTTHS.

- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, thông qua đó đánh giá được những ưu điểm, hạn chế bất cập của hoạt động áp dụng hình phạt trên địa bàn huyện Phúc Thọ.

- Đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án nhân dân góp phần thực hiện có hiệu quả công cuộc cải cách tư pháp, nâng cao uy tín của nền tư pháp nước nhà trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là việc áp dụng hình phạt trong xét xử vụ án hình sự trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là hoạt động áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án nhân dân, mà không nghiên cứu về hoạt động thi hành hình phạt sau khi có bản án cũng như hoạt động đề nghị áp dụng hình phạt của Viện kiểm sát.

Giới hạn nghiên cứu đó là hoạt động áp dụng hình phạt ở cấp sơ thẩm, phạm vi thời gian nghiên cứu từ năm 2012 đến năm 2016 trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp luận nghiên cứu

Phương pháp luận nghiên cứu của đề tài là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của nghĩa Mac – Lê nin, cũng như học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật.

5.2 Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về Nhà nước và pháp luật; tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp quyền; đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân. Đặc biệt là các quan điểm chỉ đạo cải cách tư pháp, theo tinh thần nghị quyết 48NQ/TW; 49NQ/TW của Bộ Chính trị về vấn đề cải cách tổ chức và hoạt động của TAND và các cơ quan tư pháp trong giai đoạn hiện nay, nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của lộ trình cải cách tư pháp.

Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu cụ thể đó là: Phân tích, tổng hợp, so sánh, lịch sử và lôgic, phương pháp thống kê, trong đó chú trọng các phương pháp kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Đề tài là công trình nghiên cứu cơ bản và toàn diện ở cấp độ luận văn thạc sĩ luật học về vấn đề áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân trong thực tiễn xét xử. Đề tài đã phân tích và làm rõ cơ sở lý luận về áp dụng hình phạt; cũng như đánh giá thực tiễn áp dụng hình phạt của Tòa án trên địa bàn cụ thể là huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Qua đó, đề tài đã đưa ra được những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân trong thực tiễn xét xử.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Trên cơ sở làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về áp dụng hình

phạt trong hoạt động xét xử vụ án hình sự của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ nói riêng, luận văn đề xuất một số phương hướng và giải pháp cụ thể nhằm góp phần nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự của TAND đáp ứng nhu cầu công cuộc cải cách Tư pháp hiện nay.

Luận văn có thể làm tài liệu trong tham khảo của các cán bộ làm công tác thực tiễn, nghiên cứu khoa học cũng như sinh viên và học viên các cơ sở đào tạo luật.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, đề tài được kết cấu thành 3 chương gồm:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân

Chương 2: Thực trạng áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân tại huyện Phúc Thọ thành phố Hà Nội

Chương 3: Các giải pháp bảo đảm áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT
CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

1.1. Khái niệm và đặc điểm của áp dụng hình phạt trong xét xử của Tòa án nhân dân

1.1.1. Khái niệm áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân

Áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân trong xét xử hình sự trước hết là một hoạt động ADPL, nên nó có đầy đủ đặc điểm chung của ADPL, đồng thời cũng có tính đặc điểm chung thể hiện hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân. Đó là những quy phạm pháp luật hình sự - những quy phạm pháp luật có chế tài mạnh nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do và tài sản của con người, việc duy trì trật tự công cộng và chỉ duy nhất Tòa án có quyền áp dụng.

Hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án có những nội dung, tính chất tương tự như hoạt động quyết định hình phạt trong xét xử hình sự nhưng thể hiện ở mức độ rộng hơn. Bởi lẽ, áp dụng hình phạt trước hết là việc Tòa án xác định một mức hình phạt cụ thể theo các nguyên tắc, căn cứ được BLHS quy định cho các loại hình phạt tương ứng, với mỗi trường hợp tương ứng. Không những thế, áp dụng hình phạt còn bao gồm các hoạt động như: Miễn trách nhiệm hình sự hoặc áp dụng các biện pháp tư pháp khác.

Việc áp dụng hình phạt được coi là vấn đề cơ bản, quan trọng nhất của hoạt động xét xử hình sự của Tòa án nhân dân, áp dụng hình phạt là một trong những giai đoạn cơ bản, một trong những nội dung của quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Giai đoạn này chiếm vị trí đặc biệt trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Điều đó thể hiện trước hết ở chỗ Tòa án mới có quyền áp dụng hình phạt. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”, Tòa án xét xử những vụ án hình sự (Điều 1 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014). Điều

26 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: "*Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự và do Tòa án quyết định*".[42] Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhà nước được Nhà nước giao cho Tòa án nhân dân nhân danh Nhà nước quyết định áp dụng với người phạm tội, không một cơ quan nhà nước nào khác ngoài Tòa án nhân dân có quyền áp dụng hình phạt. Tòa án lựa chọn loại hình phạt phù hợp với mức hình phạt cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự để áp dụng cho người phạm tội.

Áp dụng hình phạt là một giai đoạn rất quan trọng trong hoạt động xét xử. Áp dụng hình phạt đúng pháp luật, công bằng là tiền đề cho việc đạt được các mục đích của hình phạt: cải tạo và giáo dục người bị kết án trở thành người có ích cho xã hội, phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung (Điều 27 Bộ luật hình sự năm 1999). Ngược lại, quyết định một hình phạt không đúng pháp luật, không công bằng và không hợp lý thì không thể có khả năng đạt được các mục đích đó. Do đó, việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội có đạt được mục đích hay không, hiệu quả của hình phạt đạt được ở mức độ cao hay thấp phụ thuộc rất nhiều vào việc áp dụng hình phạt. Nếu Tòa án coi nhẹ mặt giáo dục, cải tạo, xem hình phạt như là phương tiện chủ yếu để trừng trị người phạm tội thì sẽ dẫn đến việc áp dụng hình phạt quá nặng. Trong trường hợp này, người phạm tội luôn luôn mang tư tưởng phải chịu một hình phạt không phù hợp với hậu quả do hành vi phạm tội của mình, gây ra oán hờn và không tin tưởng đối với các cơ quan xét xử và thi hành. Một hình phạt như vậy không thể tạo ra tiền đề và điều kiện thuận lợi cho người phạm tội được cải tạo, giáo dục để hoàn lương, trở thành công dân có ích cho xã hội. Còn một hình phạt quá nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm sẽ làm giảm ý nghĩa phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung, đồng thời nảy sinh ở chính người phạm tội và những người khác có thái độ coi thường pháp luật; không tạo ra sự tin tưởng, đồng tình cần thiết để giáo dục quần chúng nhân dân tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Do vậy, áp dụng hình phạt là một trong những giai đoạn rất quan trọng, một trong những nội dung của quá trình áp dụng pháp luật hình sự do Thẩm phán và Hội thẩm tiến hành đối với người thực hiện tội phạm theo một trật tự pháp lý nhất định. Nó còn là một dạng hoạt động pháp lý tổ tụng hình sự, bởi vì để áp dụng hình phạt, Tòa án phải dựa vào kết quả của các giai đoạn tổ tụng hình sự khác nhau như kết quả hoạt động điều tra, truy tố... và kết quả hoạt động của mình ở giai đoạn xét xử để xác định một loại và một mức hình phạt cụ thể tối ưu nhất trong việc cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Loại và mức hình phạt được quyết định áp dụng đối với bị cáo phải được thể hiện trong bản án buộc tội theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và được công bố một cách công khai khi tuyên án.

Hình phạt do tòa án quyết định tùy thuộc vào các tình tiết cụ thể của vụ án có thể là nghiêm khắc, ít nghiêm khắc hoặc nhẹ nhưng trong mọi trường hợp bao giờ cũng phải bảo đảm đúng pháp luật, công bằng và cá thể hóa. Điều đó có nghĩa, để bảo đảm sự tương xứng khi áp dụng hình phạt phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện, cân nhắc nhân thân người phạm tội, cân nhắc các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, hình phạt được áp dụng đối với bị cáo phải bảo đảm tính xác định, tính lập luận và bắt buộc có lý do.

Hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án được tiến hành sau khi vụ án hình sự đã được giải quyết ở các khâu khác nhau, với những thủ tục tổ tụng nhất định. Kết quả của áp dụng hình phạt Tòa án phải dựa trên kết quả của các hoạt động trước đó như hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố (đặc biệt là quyết định truy tố của Viện kiểm sát) và hoạt động đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, trong quá trình này, Tòa án vẫn được quyền linh hoạt, chủ động tiến hành hoạt động áp dụng hình phạt sao cho đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Ví dụ như Tòa án dựa trên mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát như đánh giá một cách khách quan, đầy đủ về các tình tiết của vụ án, đặc biệt là các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án áp dụng một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn,

cũng có thể miễn trách nhiệm hình sự hoặc áp dụng các biện pháp tư pháp khác...

Hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án là sự kết hợp của hoạt động áp dụng BLHS (áp dụng pháp luật nội dung), và hoạt động áp dụng BLTTHS (là ADPL hình thức) của hoạt động giải quyết án hình sự. Hoạt động tố tụng hình sự chứa đựng cả áp dụng quy phạm pháp luật nội dung và quy phạm pháp luật hình thức với mục đích bảo đảm áp dụng BLHS chính xác. Hoạt động đó bao gồm những bước đi theo trình tự tố tụng chặt chẽ, là tiền đề quan trọng để quyết định chính xác trách nhiệm hình sự nhằm bảo đảm nguyên tắc khách quan, công bằng, tạo ảnh hưởng tích cực trong việc trừng trị kết hợp giáo dục, cải tạo người phạm tội thành công dân có ích cho xã hội, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Từ sự phân tích trên ta có thể đưa ra khái niệm áp dụng hình phạt của tòa án nhân dân như sau: *Áp dụng hình phạt là một hình thức áp dụng pháp luật do Tòa án tiến hành, thể hiện ở việc Tòa án vận dụng các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự và quy phạm pháp luật hình sự để áp dụng loại và mức hình phạt đối với người bị kết tội nhằm giải quyết vụ án hình sự thuộc thẩm quyền và được tiến hành ở giai đoạn xét xử vụ án hình sự.*

1.1.2. Đặc điểm áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân

Áp dụng hình phạt của Tòa án trong xét xử hình sự là hoạt động xác định sự thật khách quan của một vụ án cụ thể nhằm áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự đối với người phạm tội, đây là hoạt động đặc biệt trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Quá trình áp dụng hình phạt phải tuân theo những nguyên tắc chung và quy trình chung, bên cạnh đó nó mang những đặc điểm riêng biệt, gồm các đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, *áp dụng hình phạt trong hoạt động giải quyết án hình sự là hoạt động nhân danh quyền lực nhà nước, do Tòa án tiến hành được thực hiện bởi người có thẩm quyền là Hội đồng xét xử.*

Tòa án là cơ quan duy nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có thẩm quyền xét xử. Tại Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: "*1. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.*

2. Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định.

3. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân." [48]. Quá trình giải quyết vụ án hình sự bao gồm nhiều giai đoạn tố tụng khác nhau, do các cơ quan tiến hành tố tụng tiến hành, trong đó hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Thông qua phiên tòa xét xử công khai, mọi kết quả điều tra, truy tố, các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, được thẩm vấn, đối chất, tranh luận, làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án tại phiên tòa. Trên cơ sở đánh giá toàn diện vụ án, Hội đồng xét xử đưa ra phán quyết mang tính quyền lực nhà nước. Chỉ có Hội đồng xét xử nhân danh nhà nước mới có quyền quyết định một người có tội hay không, tội danh được quy định tại điều khoản nào của BLHS và buộc người phạm tội phải chịu hình phạt tương xứng, đồng thời minh oan cho người không phạm tội bị truy tố. Trong đó hoạt động áp dụng hình phạt là hoạt động được tiến hành sau cùng trong quá trình áp dụng các quy định của BLHS nhằm đưa ra một loại hình phạt và mức hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy hoạt động áp dụng hình phạt của Hội đồng xét xử là trọng tâm của hoạt động tố tụng hình sự. Các giai đoạn tố tụng trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa đều nhằm giúp cho Hội đồng xét xử đưa ra một loại và mức hình phạt chính xác, đúng pháp luật.

Áp dụng hình phạt trong hoạt động xét xử án hình sự không chỉ tuân thủ những nguyên tắc trong tố tụng, hoạt động của bộ máy nhà nước mà còn phải tuân thủ các nguyên tắc đặc thù do pháp luật hình sự, tố tụng hình sự quy định. Đó là các nguyên tắc: nguyên tắc thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nguyên tắc xét xử công khai; nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo; nguyên tắc hai cấp xét xử; nguyên tắc xác định sự thật của vụ án; nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật; nguyên tắc

không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án...; Có triệt để tuân thủ các nguyên tắc trên thì hoạt động tố tụng mới đảm bảo khách quan, công bằng.

Chủ thể trực tiếp áp dụng hình phạt trong hoạt động xét xử bao giờ cũng là Hội đồng xét xử án hình sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm Thẩm phán và hội thẩm nhân dân. Điều 185 BLTTHS năm 2003 quy định: "Thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm nhân dân. Trong trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì thành phần Hội đồng xét xử gồm 2 Thẩm phán và 3 Hội thẩm nhân dân"[45]. Các quyết định của Hội đồng xét xử hình sự sơ thẩm, chủ yếu là bản án hình sự sơ thẩm và sau khi tuyên án (ban hành) một thời gian nhất định, hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị mới có hiệu lực pháp luật.

Điều 244 BLTTHS năm 2003 quy định: "Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm 3 Thẩm phán, trong trường hợp cần thiết có thêm 2 Hội thẩm"[45]. Quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Theo quy định tại Điều 15, 16, 17 BLTTHS năm 2003 thì khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, Hội thẩm nhân dân ngang quyền với Thẩm phán, Hội đồng xét xử cả sơ thẩm và phúc thẩm đều thảo luận và quyết định theo đa số. Vì vậy quyết định của Hội đồng xét xử là quyết định mang tính tập thể của đa số thành viên Hội đồng xét xử. Áp dụng hình phạt trong hoạt động xét xử của Tòa án dựa trên kết quả điều tra, truy tố của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, nhưng hoạt động xét xử là một giai đoạn tố tụng độc lập. Không chỉ căn cứ vào tài liệu chứng cứ do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thu thập mà Hội đồng xét xử còn căn cứ vào quá trình thẩm tra, thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa để đưa ra các quyết định như: trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung, đình chỉ vụ án, tuyên bố bị cáo vô tội hoặc có tội và cuối cùng nếu bị cáo bị coi là có tội thì phải áp dụng hoặc không áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

Tòa án thực hiện quyền lực nhà nước thông qua phiên tòa xét xử, mà kết quả của hoạt động xét xử là một bản án (một văn bản ADPL) do Hội đồng xét xử nhân danh nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tuyên bố, khẳng định một công dân có

tội hay vô tội. Bản án là sự thể hiện ý chí, thái độ của Nhà nước đối với hành vi của bị cáo và được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh của bộ máy nhà nước. Hội đồng xét xử khi công bố bản án không nhân danh Hội đồng xét xử hay cơ quan Tòa án mà nhân danh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam để phán quyết. Nghĩa là Tòa án nhân danh Nhà nước, sử dụng quyền lực nhà nước để phán xử người bị truy tố có tội hay không, tội danh nào và mức hình phạt tương xứng. Quyết định hình phạt của Tòa án phải xuất phát từ lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích của toàn xã hội cũng như quyền lợi chính đáng của mỗi công dân. Mỗi bản án nghiêm minh, đúng người, đúng tội, thấu tình đạt lý, không chỉ góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội mà còn giáo dục người phạm tội thành công dân có ích cho xã hội, giúp quần chúng nhân dân nâng cao ý thức pháp luật, có niềm tin vào công lý, vào chế độ chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chế tài hình sự là những biện pháp cưỡng chế lớn nhất, mạnh mẽ nhất của Nhà nước đối với người phạm tội, ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, tự do, danh dự, tài sản, nhân thân, uy tín của công dân mà hình phạt cao nhất có thể áp dụng là loại bỏ người phạm tội khỏi đời sống xã hội (tử hình) và chỉ Tòa án là cơ quan duy nhất có chức năng xét xử, có quyền đưa ra quyết định cuối cùng để xác định tội phạm và hình phạt.

Thứ hai, áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của TAND chủ yếu được tiến hành tại phiên tòa công khai.

Từ khi nhận được hồ sơ vụ án cho đến khi ban hành bản án, quyết định thi hành án, Tòa án tiến hành nhiều hoạt động ADPL như: Quyết định việc tạm giam, quyết định đưa vụ án ra xét xử... do Thẩm phán chủ tọa, Chánh án, Phó Chánh án tiến hành theo quy định tại Điều 38, 39 BLTTHS năm 2003, nhưng hoạt động quan trọng nhất của việc ADPL hình sự tại Tòa án là quyết định tội danh và áp dụng hình phạt phải được tiến hành tại phiên tòa công khai, trừ trường hợp đặc biệt, phiên tòa cần giữ bí mật Nhà nước, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc để giữ bí mật của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ thì Tòa án xét xử kín theo quy định tại Điều 18 BLTTHS năm 2003, nhưng tuyên án phải công khai.

Các phiên tòa hình sự được tổ chức trang nghiêm, theo trình tự thủ tục chặt chẽ, hoàn toàn công khai, dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Mọi công dân từ 16 tuổi trở lên đều có quyền dự phiên tòa. Các cơ quan truyền thông, báo chí đều có quyền tham dự và đưa tin về phiên tòa công khai. Bản án được gửi cho tất cả những người tham gia tố tụng, cơ quan hữu quan, chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú.

Phiên tòa hình sự là trọng tâm của việc giải quyết vụ án hình sự, trước sự chứng kiến của đông đảo quần chúng nhân dân, người làm chứng, người liên quan, bị hại, luật sư, giám định viên..., toàn bộ tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra, truy tố được xem xét, đánh giá, thẩm tra, thẩm vấn, đối chất, tranh tụng công khai, làm sáng tỏ các tình tiết, nội dung của vụ án tại phiên tòa.

Bị cáo được quyền tự do trình bày ý kiến của mình về lời buộc tội của cơ quan công tố, đối chất với người bị hại... luật sư được đưa ra các chứng cứ, quan điểm, tranh luận với kiểm sát viên duy trì công tố tại phiên tòa để bảo vệ quyền lợi cho thân chủ của mình (Luật sư có thể là người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan).

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nghe tranh luận giữa luật sư với kiểm sát viên về các tình tiết của vụ án, thẩm vấn và nghe lời trình bày của bị cáo, người bị hại, người làm chứng, người liên quan, giám định viên, xem xét vật chứng... để xác định sự thật của vụ án, làm rõ các dấu hiệu cấu thành tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tạo điều kiện thuận lợi cho các bên trình bày quan điểm, ý kiến của mình về vụ án.

Sau khi xem xét toàn bộ các tình tiết, chứng cứ, nội dung của vụ án tại phiên tòa một cách khách quan toàn diện, Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, biểu quyết về việc bị cáo có tội hay không có tội, nếu phạm tội thì tội danh nào, áp dụng điều khoản nào của BLHS, hình phạt cụ thể và trách nhiệm pháp lý khác như bồi thường, án phí, hình phạt bổ sung. Chủ tọa phiên tòa tuyên án (công bố bản án) và tuyên bố kết thúc phiên tòa.

Bản án là văn bản ADPL nói chung và chứa đựng những quyết định áp dụng

hình phạt nói riêng được ban hành tại phiên tòa, nó chứa đựng tổng hợp giá trị pháp lý của các văn bản áp dụng pháp luật trước đó, cũng như khẳng định tính hợp pháp của các văn bản đó, của các hành vi tố tụng tại phiên tòa.

Hoạt động áp dụng hình phạt của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là hoạt động quan trọng nhất trong việc giải quyết vụ án hình sự của Tòa án, được tiến hành một cách thận trọng, khách quan, công khai, dân chủ, công bằng, tạo điều kiện cho người dân bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình và giám sát hoạt động xét xử của Tòa án. Phiên tòa hình sự là nơi thể hiện nền văn minh tư pháp, tính dân chủ và minh bạch của hoạt động tư pháp, đảm bảo công lý, công bằng xã hội, quyền và lợi ích chính đáng của con người. Vì vậy phiên tòa cần phải triệt để tuân thủ các nguyên tắc, trình tự thủ tục do BLTTHS quy định.

Quy trình của quá trình áp dụng hình phạt đó chính là việc Tòa án phải xác định tội danh đối với bị cáo bị đưa ra xét xử, sau đó quyết định áp dụng một loại hình phạt và lựa chọn một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đây được coi là quá trình trung tâm, và cũng là quá trình kết thúc của hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án.

Thứ ba, áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án phải tuân thủ chặt chẽ về trình tự thủ tục do BLTTHS quy định.

Nhiệm vụ của Tòa án trong việc giải quyết vụ án hình sự là xét xử chính xác, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không bỏ lọt tội phạm và không xử oan người vô tội. Do đó đòi hỏi trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, Tòa án phải tuân thủ triệt để các quy định của BLTTHS.

Mặt khác do tính chất đặc biệt quan trọng của các quy phạm pháp luật hình sự, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của con người như quyền tự do, tính mạng, tài sản, danh dự nhân phẩm... vì vậy càng yêu cầu tính chính xác chặt chẽ, tuân thủ đầy đủ trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của BLTTHS là cơ sở, điều kiện bắt buộc để đảm bảo cho việc áp dụng hình phạt sự được chính xác, khách quan. Cho nên quá trình áp dụng hình phạt của Tòa án phải vừa áp dụng đúng đắn các quy

phạm pháp luật về nội dung, vừa phải áp dụng đúng các quy phạm pháp luật về tố tụng mới đảm bảo cho việc ban hành bản án hợp pháp, đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

Người tiến hành tố tụng trong giải quyết án hình sự của TAND theo quy định của BLTTHS gồm có Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm và Thư ký Tòa án. Đối với Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán là người được tuyển chọn bổ nhiệm theo trình tự chặt chẽ với những tiêu chuẩn nghiêm ngặt để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên là giải quyết, xét xử các loại án theo thẩm quyền của Tòa án. Hội thẩm là người được cử hoặc bầu để đại diện cho nhân dân tham gia xét xử cùng Thẩm phán. Thư ký Tòa án có nhiệm vụ theo quy định của BLTTHS và theo sự phân công của Chánh án.

Đối với Chánh án, Phó Chánh án, nhiệm vụ quyền hạn được quy định tại Điều 38 BLTTHS năm 2003, có nhiệm vụ tổ chức công tác xét xử, phân công Thẩm phán, Hội thẩm giải quyết xét xử, phân công Thư ký tiến hành tố tụng đối với vụ án hình sự. Chánh án có quyền ra quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam; quyết định xử lý vật chứng; quyết định thi hành án hình sự; quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù; quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; quyết định xóa án tích...

Đối với Thẩm phán, nhiệm vụ quyền hạn được quy định tại Điều 39 BLTTHS năm 2003, khi tham gia xét xử Thẩm phán có nhiệm vụ, quyền hạn sau: "a, Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo quy định của bộ luật này. b, Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. c, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án..."[45].

Đối với Hội thẩm, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 40 BLTTHS năm 2003 là thành viên của HĐXX, Hội thẩm có nhiệm vụ giống như Thẩm phán, tuy nhiên Hội thẩm chỉ có quyền tiến hành những hoạt động tại phiên tòa.

Đối với Thư ký, nhiệm vụ được quy định tại Điều 41 BLTTHS năm 2003. Thư ký được Chánh án phân công tham gia một số hoạt động tại phiên tòa, chủ yếu là ghi biên bản phiên tòa. Thư ký không có quyền ra quyết định hay tham gia biểu

quyết các quyết định của Tòa án.

Khi áp dụng hình phạt tại Tòa án, những người tiến hành tố tụng được pháp luật tố tụng yêu cầu phải hết sức vô tư, khách quan, không được liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân xét xử độc lập chỉ tuân theo pháp luật. Hoạt động xét xử được quy định tại BLTTHS bao gồm giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa hình sự. Chuẩn bị xét xử là giai đoạn Thẩm phán nghiên cứu hồ sơ vụ án, xem xét điều kiện mở phiên tòa. Phiên tòa là giai đoạn Tòa án xác định tội phạm và quyết định hình phạt, được tiến hành công khai với đầy đủ người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa với những trình tự tố tụng nghiêm ngặt nhằm xác định bị cáo có tội hay không, nếu có tội thì tội gì, hình phạt tương xứng.

Thông thường thì cả luật hình thức và nội dung ban hành trong một văn bản pháp luật nhưng riêng áp dụng hình phạt của Tòa án trong hoạt động giải quyết án hình sự được quy định bởi hai bộ luật là BLHS và BLTTHS do Quốc hội trực tiếp ban hành có tính pháp điển cao. Tại Điều 1 BLTTHS quy định: "Bộ luật tố tụng hình sự quy định trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn..." [45].

Cũng như hoạt động ADPL của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, hoạt động ADPL trong giải quyết án hình sự của Tòa án phải bảo đảm tính chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Tính chặt chẽ được biểu hiện ở hai khía cạnh: Thứ nhất là chặt chẽ về hình thức áp dụng, hay nói cách khác là chặt chẽ về trình tự thủ tục, thẩm quyền; Thứ hai là chặt chẽ về nội dung áp dụng bao gồm áp dụng nội dung BLTTHS và nội dung BLHS.

Tính chặt chẽ về hình thức được thể hiện mọi hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng phải theo quy định của BLTTHS, như tại phiên tòa, Thẩm phán phải hỏi những câu hỏi bắt buộc, thực hiện hành vi bắt buộc theo một trình tự logic bắt buộc. Ví dụ: bắt buộc chủ tọa phiên tòa phải giải thích quyền và nghĩa vụ cho những người tham gia tố tụng...

Tính chặt chẽ về nội dung được thể hiện là mỗi điều luật áp dụng đòi hỏi sự chính xác về điểm khoản phù hợp với nội dung phải giải quyết, không có sự áp

dụng tương tự cũng như suy diễn sự việc áp dụng hệ thống pháp luật thực định.

Hoạt động ADPL hình sự đòi hỏi những yêu cầu nghiêm ngặt từ quy trình áp dụng đến nội dung áp dụng xuất phát từ tính nghiêm khắc của chế tài pháp luật hình sự, từ yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của công dân, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tính chặt chẽ của áp dụng hình phạt của TAND trước hết là nhằm xác định toàn bộ sự thật của vụ án, đảm bảo cho việc áp dụng hình phạt được chính xác, bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng, nhằm tránh sự lạm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng, là cơ sở pháp lý cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đồng thời cũng là cơ sở để cơ quan, tổ chức, công dân giám sát hoạt động tố tụng và thực hiện các quyền khiếu nại tố cáo được quy định tại chương XXXV BLTTHS năm 2003.

Thứ tư, áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án là quá trình cá biệt hóa những quy phạm pháp luật hình sự đối với mỗi bị cáo, đặc biệt là quy định của pháp luật hình sự về hình phạt và quyết định hình phạt.

Thực chất của hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án là thông qua phiên tòa xét xử để xác định tội danh cũng như áp dụng hình phạt cụ thể với mỗi bị cáo. Các quy phạm pháp luật hình sự được áp dụng cụ thể đối với từng bị cáo trong các vụ án cụ thể.

Trên cơ sở tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phải căn cứ vào các dấu hiệu pháp lý cấu thành tội phạm được quy định tại BLHS để xác định bị cáo có phạm tội như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân hay không? Nếu phạm tội thì phạm tội gì? Được quy định tại điều khoản nào của BLHS? Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc điểm nào của Điều 48, 49 BLHS? Áp dụng quy phạm pháp luật hình sự của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là nội dung chính của hoạt động xét xử cũng là hoạt động chủ yếu của TAND trong việc giải quyết vụ án hình sự. Để có cơ sở áp dụng hình phạt, Hội đồng xét xử phải xem xét, đánh giá các chứng cứ đã thu thập trong giai đoạn điều tra cũng như lời trình bày của những

người tham gia tố tụng tại phiên tòa mâu thuẫn hoặc phù hợp với nhau như thế nào? Phân tích, tổng hợp toàn bộ các tình tiết của vụ án, làm sáng tỏ sự thật của vụ án. Đòi hỏi khả năng tư duy cao của mỗi thành viên Hội đồng xét xử, khẳng định bị cáo có đủ dấu hiệu pháp lý cấu thành tội phạm không? Cấu thành tội danh gì? Lựa chọn quy phạm pháp luật hình sự trong BLHS áp dụng đối với người bị kết án, tuyên bố bị án không phạm tội hoặc tội danh theo quy định của BLHS đối với mỗi bị cáo cụ thể.

Sau khi định được tội danh, Hội đồng xét xử phải quyết định hình phạt, trong khoảng mà điều luật đối với tội danh đó quy định. Vì trách nhiệm hình sự là hậu quả pháp lý tất yếu của việc thực hiện tội phạm. Về nguyên tắc người thực hiện tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, khi cá thể hóa trách nhiệm hình sự Tòa án có thể xem xét việc miễn trách nhiệm hình sự theo Điều 25 BLHS.

Hội đồng xét xử không được quyết định hình phạt cao hơn hình phạt được quy định trong điều luật đối với tội danh mà bị cáo đã phạm và chỉ được quyết định hình phạt thấp hơn khung hình phạt khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 BLHS và chỉ được quyết định hình phạt theo khung liền kề thấp hơn theo đúng quy định tại Điều 47 BLHS. Hội đồng xét xử căn cứ vào khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội để lựa chọn (biểu quyết) quyết định cho miễn trách nhiệm hình sự hoặc áp dụng hình phạt phù hợp đối với bị cáo. Nếu vụ án có nhiều bị cáo thì khi quyết định hình phạt còn phải xem xét vai trò đồng phạm của mỗi bị cáo để có hình phạt tương xứng đối với mỗi bị cáo. Nếu bị cáo nhiều lần phạm tội (không phải là tình tiết tăng nặng) hoặc phạm nhiều tội trong cùng một vụ án hoặc nhiều vụ án thì Hội đồng xét xử phải quyết định tổng hợp hình phạt, tổng hợp bản án theo quy định tại Điều 50, 51 BLHS năm 1999.

Hình phạt chính là một trong các loại hình phạt được quy định trong hệ thống hình phạt của BLHS như: Cảnh cáo, phạt tiền, phạt tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình... (Điều 30 BLHS năm 1999). Mỗi hành vi phạm tội chỉ bị áp dụng một loại hình phạt chính nhưng có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình phạt bổ

sung, các biện pháp tư pháp khác.

Ngoài quyết định trách nhiệm hình sự đối với mỗi bị cáo, Hội đồng xét xử còn phải căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề liên quan đến vụ án, như: Việc bồi thường dân sự, án phí, xử lý vật chứng...

Mặc dù bị cáo có tội, Hội đồng xét xử không được tùy tiện áp dụng hình phạt mà chỉ được áp dụng hình phạt theo quy định của BLHS năm 1999.

Bản án hình sự là văn bản ADPL của Hội đồng xét xử. Ngoài những đặc thù riêng, nó có những đặc điểm chung của văn bản ADPL (văn bản cá biệt), như chỉ áp dụng một lần, đối với những bị cáo cụ thể...Được các cơ quan, tổ chức, các cá nhân nghiêm chỉnh chấp hành, được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế nhà nước.

Theo quy định của BLHS năm 1999 thì trách nhiệm hình sự là trách nhiệm pháp lý chỉ được xác định đối với cá nhân người phạm tội, không có trách nhiệm hình sự đối với cơ quan, tổ chức. Ví dụ bị cáo A là giám đốc một doanh nghiệp B, nhân danh giám đốc tổ chức, chỉ đạo các nhân viên thực hiện hành vi buôn lậu thì chỉ truy tố và xét xử A với tư cách cá nhân.

Thứ năm, áp dụng hình phạt mang tính tùy nghi cao

Điều này thể hiện ở việc, áp dụng hình phạt là hoạt động mang tính khoa học, thể hiện tập trung nhất quá trình tư duy lô gic căn cứ trên cơ sở của thực tế vụ án và quy định của pháp luật để áp dụng vào trường hợp cụ thể. Việc quy định của pháp luật hình sự về hình phạt, khung hình phạt và mức hình phạt là tương đối linh hoạt, một khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội thường được thể hiện ở mức thấp nhất và mức cao nhất. Do đó, khi áp dụng hình phạt, hội đồng xét xử cần phải nghiên cứu từng trường hợp cụ thể, của từng bị cáo cụ thể để có thể áp dụng một mức hình phạt thông qua nguyên tắc cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội.

Ngoài ra, tính tùy nghi còn thể hiện ở việc, hoạt động áp dụng hình phạt có phạm vi rất rộng, không những chỉ gồm áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung mà còn bao gồm cả áp dụng việc miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt....

Điều này cho thấy, thực chất của áp dụng hình phạt thể hiện đường lối xử lý vụ án hình sự trên thực tế, bao gồm nhiều hoạt động khác nhau. Thông qua đó cũng thể hiện tính tùy nghi trong áp dụng hình phạt, Tòa án khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và trường hợp phạm tội cụ thể có thể quyết định miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc áp dụng hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung với bị cáo.

1.2. Các nội dung của hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án

1.2.1. Vai trò của hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án

Hoạt động áp dụng hình phạt là một hoạt động, thể hiện ở việc Tòa án tuân thủ các quy định của BLHS và BLTTHS để tuyên một hình phạt đảm bảo tính công minh, có căn cứ và đúng pháp luật với người phạm tội bị kết án. Qua đó, góp phần tích cực vào việc bảo vệ các quyền con người và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Áp dụng hình phạt có những ý nghĩa quan trọng sau:

**** Áp dụng hình phạt đúng là cơ sở pháp lý để đạt được mục đích của hình phạt***

Theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, mục đích là "dự kiến trong ý thức con người về kết quả nhằm đạt được bằng hoạt động của mình... Với tính cách là động cơ trực tiếp, mục đích hướng dẫn và điều chỉnh mọi hành động"[74, tr.648]. Như vậy, có thể hiểu mục đích của hình phạt là kết quả mà Nhà nước đặt ra và mong muốn đạt được khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội bị kết án. Mục đích của hình phạt tuy là yếu tố quyết định đối với hoạt động áp dụng hình phạt nhưng mục đích của hình phạt có đạt được hay không lại phụ thuộc vào việc áp dụng hình phạt được thực hiện như thế nào. Mọi trường hợp áp dụng hình phạt sai, áp dụng hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ đều sẽ không đạt được mục đích của hình phạt trong thực tiễn và còn làm nảy sinh những phản ứng tiêu cực, tâm lý chống đối, không tin tưởng vào tính công minh của pháp luật, của các cơ quan bảo vệ pháp luật... từ phía người bị kết án và dư luận xã hội.

Điều 27 BLHS năm 1999 quy định về mục đích của hình phạt như sau: Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội

chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm [42].

Hiện nay, trong khoa học pháp lý hình sự có rất nhiều các quan điểm khác nhau về các mục đích của hình phạt: *Quan điểm truyền thống* coi các mục đích quan trọng hơn cả của hình phạt là ngăn ngừa riêng và ngăn ngừa chung; *Quan điểm nghiêng về trấn áp hình sự* coi mục đích của hình phạt chỉ là trừng trị; *Quan điểm nghiêng về đạo đức* coi mục đích của hình phạt chỉ là giáo dục và cải tạo; *Quan điểm mềm dẻo* coi các mục đích của hình phạt là cả trừng trị, cải tạo và giáo dục [3, tr.327].

Nhìn chung, tất cả các quan điểm này đều thừa nhận một trong hai hoặc cả hai mục đích chính của hình phạt là trừng trị và giáo dục người phạm tội. Việc áp dụng hình phạt phải đảm bảo cho hình phạt đã tuyên đạt được cả hai mục đích này. Trừng trị và giáo dục là hai mặt có liên quan mật thiết đến nhau khi áp dụng hình phạt, Tòa án không được đề cao hay coi nhẹ mặt nào. Nếu coi nhẹ mục đích giáo dục sẽ dẫn đến áp dụng hình phạt quá nặng, người phạm tội sẽ có tâm lý cho rằng hình phạt đã tuyên không thỏa đáng với họ. Hình phạt trong trường hợp này sẽ chỉ làm cho người bị kết án thù ghét pháp luật và các cơ quan bảo vệ pháp luật, nảy sinh tâm lý chống đối, từ đó sẽ không cố gắng tích cực lao động, cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội. Ngược lại, nếu quá coi nhẹ mục đích trừng trị sẽ dẫn tới việc áp dụng hình phạt một cách quá nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Hậu quả là bản thân người phạm tội sẽ coi thường pháp luật, còn quần chúng nhân dân sẽ thiếu tin tưởng vào pháp luật của Nhà nước.

Vì vậy, quyết định một hình phạt công minh, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân người phạm tội là điều kiện bắt buộc để đạt được các mục đích trừng trị và giáo dục của hình phạt. Theo quan điểm của tác giả, nếu đạt được cả hai mục đích trừng trị và giáo dục cải tạo người phạm tội thì đương nhiên hình phạt cũng phát huy được tác dụng giáo dục, phòng

ngừa chung và góp phần hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, tích cực, chủ động tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm của các thành viên khác trong xã hội.

**** Áp dụng hình phạt đúng là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả của hình phạt***

Ngoài mục đích thì hiệu quả của hình phạt cũng là một yếu tố quan trọng của áp dụng hình phạt. Theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, hiệu quả "là kết quả mong muốn, cái sinh ra kết quả mà con người chờ đợi và hướng tới" [74, tr.440]. Nếu như mục đích của hình phạt là dự kiến về kết quả của Nhà nước đặt ra và mong muốn đạt được khi áp dụng hình phạt với người phạm tội bị kết án thì hiệu quả của hình phạt chính là kết quả cần đạt được đó. Tuy nhiên, do những mục đích của hình phạt trong thực tế luôn đạt được ở những chừng mực nhất định nên mức độ đạt được mục đích của hình phạt chính là kết quả phản ánh hiệu quả của hình phạt. Mức độ đạt được mục đích của hình phạt càng cao thì hiệu quả của hình phạt đạt được càng cao và ngược lại, mục đích đạt được của hình phạt ở mức độ thấp thì hiệu quả hình phạt cũng chỉ đạt được ở mức độ thấp.

Nói đến hiệu quả của hình phạt là nói đến tác dụng tích cực của hình phạt đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Khi hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội bị kết án và thi hành trong thực tiễn thì hiệu quả của hình phạt có được đảm bảo và nâng cao hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Hoạt động xây dựng pháp luật hình sự; hoạt động áp dụng hình phạt; việc tổ chức thi hành án hình sự; công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm hình thành và nâng cao ý thức pháp luật cho công dân. Trong tất cả các yếu tố này thì áp dụng hình phạt là yếu tố mang tính quyết định, quan trọng nhất trong việc đảm bảo và nâng cao hiệu quả áp dụng của hình phạt. Việc xây dựng hệ thống pháp luật hình sự hoàn thiện chỉ có ý nghĩa khi áp dụng hình phạt trong thực tế được đúng. Mặt khác, việc chấp hành hình phạt chỉ phát huy tác dụng tốt nhất nếu Tòa án áp dụng hình phạt đúng. Những yếu tố xã hội khác đảm bảo hiệu quả của hình phạt như vấn đề tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật cho công dân để công dân tự giác chấp hành hình phạt không thể phát huy tác dụng khi áp dụng hình phạt không đúng. Nếu hình phạt

được tuyên không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thì sẽ làm cho người bị kết án không thấy được tính đúng đắn của bản án và từ đó không tích cực lao động cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội; cũng như gây ra dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng tới niềm tin của quần chúng đối với pháp luật, không động viên quần chúng nhân dân tham gia tích cực vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và như vậy hiệu quả của hình chắc chắn sẽ không đạt được.

**** Áp dụng hình phạt đúng là điều kiện đảm bảo tính khả thi của hệ thống hình phạt***

Trong thực tiễn, các trường hợp phạm tội luôn có sự khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, để đảm bảo mục đích trừng trị và giáo dục người phạm tội, bắt buộc Nhà nước phải xây dựng các loại hình phạt cụ thể, có mức độ nghiêm khắc khác nhau, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng loại tội phạm được quy định tại khoản 3 Điều 8 BLHS năm 1999. Các hình phạt được sắp xếp theo một trình tự nhất định, tạo thành một chỉnh thể thống nhất gọi là hệ thống hình phạt nhưng vẫn đảm bảo căn cứ, điều kiện áp dụng của mỗi loại hình phạt trong các trường hợp cụ thể.

Hệ thống hình phạt là tổng hợp các biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong pháp luật hình sự, căn cứ vào mức độ nghiêm khắc của mỗi loại được sắp xếp thành một danh mục cụ thể theo trình tự nhất định từ nhẹ đến nặng hay ngược lại và chỉ do Tòa án quyết định trong bản án kết tội đối với bị cáo đã thực hiện tội phạm. Mục đích và hiệu quả của hình phạt tuy phụ thuộc vào việc tổ chức chấp hành hình phạt trong thực tiễn, nhưng trước tiên phụ thuộc vào việc lựa chọn loại hình phạt trong hệ thống hình phạt với mức hình phạt cụ thể của Hội đồng xét xử.

Trong hệ thống hình phạt, căn cứ vào khả năng, giá trị tác động của mỗi loại hình phạt đối với tội phạm, các hình phạt được chia thành hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Hình phạt chính được xác định là loại hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và khi được áp dụng có khả năng

đạt được mục đích của hình phạt. Hình phạt bổ sung được xác định là loại hình phạt hỗ trợ cho hình phạt chính nhằm đạt được mục đích của hình phạt ở mức cao nhất [59, tr.180]. Chính vì vậy mà khoản 3 Điều 28 BLHS năm 1999 đã quy định: "Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung"[42]. Mỗi loại hình phạt trong hệ thống hình phạt đều có điều kiện áp dụng và mức độ nghiêm khắc khác nhau đủ để trừng trị, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa chung. Đồng thời, đa phần các điều luật về tội phạm trong Phần các tội phạm của BLHS năm 1999 đều quy định một số loại hình phạt chính (từ hai loại hình phạt chính trở lên) và hình phạt bổ sung tương ứng với mỗi tội phạm cụ thể để Tòa án lựa chọn áp dụng đối với người phạm tội. Đây là những cơ sở pháp lý để Hội đồng xét xử tùy từng trường hợp cụ thể, căn cứ vào nội dung, điều kiện áp dụng của mỗi loại hình phạt, vào giới hạn của chế tài mà điều luật quy định về tội phạm cho phép áp dụng để áp dụng hình phạt đối với người phạm tội một cách đúng đắn.

Mỗi loại hình phạt luôn chứa đựng trong nó sự gắn kết giữa trừng trị và giáo dục. Hình phạt chỉ có ý nghĩa và thể hiện được giá trị đích thực khi việc áp dụng hình phạt lựa chọn đúng loại và mức hình phạt với người phạm tội. Vì vậy, chỉ khi nào Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt, kết hợp được giữa trừng trị với giáo dục người phạm tội, phát huy được tác dụng của hình phạt trong đấu tranh phòng, chống tội phạm thì mới bảo đảm được tính khả thi của hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, làm cho mỗi hình phạt nói riêng và hệ thống hình phạt nói chung thực sự là công cụ hữu hiệu trong công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

**** Áp dụng hình phạt đúng góp phần bảo đảm pháp chế trong Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam***

Theo cách hiểu chung, pháp chế là sự tuân thủ pháp luật một cách nghiêm chỉnh, chính xác của các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước; của các tổ chức, các thành viên; của công dân trong mọi hoạt động.

Để pháp luật được tuân thủ một cách nghiêm chỉnh trong mọi hoạt động của đời sống xã hội thì phía các chủ thể đòi hỏi phải có ý thức tôn trọng pháp luật.

Trong hầu hết các trường hợp, nếu chủ thể có ý thức coi thường pháp luật thì cũng đều rất dễ dẫn đến việc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, trong đó có những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm. Khi pháp luật đã bị vi phạm ở bất kì mức độ nào thì cũng có nghĩa là pháp luật không được đảm bảo. Chính vì vậy, luật hình sự có một vai trò quan trọng trong việc bảo đảm thực hiện nghiêm minh pháp luật trên cả nước.

Để thực hiện được vai trò đó thì áp dụng hình phạt đúng là một trong những yêu cầu hết sức quan trọng. Việc áp dụng hình phạt sai, không thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật sẽ làm cho pháp luật, các quy tắc của cuộc sống XHCN, các quyền và lợi ích hợp của con người bị xâm phạm. Ngược lại, áp dụng hình phạt đúng không những đảm bảo mục đích trừng trị của hình phạt mà còn giáo dục người phạm tội có ý thức tôn trọng, tự giác chấp hành pháp luật và các quy tắc của cuộc sống XHCN để từ bỏ hẳn con đường phạm tội. Ngoài ra, áp dụng hình phạt đúng sẽ làm các thành viên khác trong xã hội vững tin vào pháp luật, coi pháp luật là chỗ dựa vững chắc cho mọi hành động. Đối với các thành viên khác còn thiếu niềm tin vào pháp luật thì thấy tính nghiêm minh của pháp luật mà từ bỏ ý định phạm tội và tự giác chấp hành pháp luật một cách nghiêm minh. Như vậy, áp dụng hình phạt đúng sẽ có tác động đến ý thức mỗi cá nhân trong xã hội để họ thấy sợ hình phạt mà không dám phạm tội và quan trọng hơn là nhận thức được tính nghiêm minh của pháp luật để tự giác chấp hành pháp luật. Từ đó cũng tự xác định cho mình ý thức chủ động và trách nhiệm tham gia tích cực vào công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, góp phần bảo đảm pháp chế trong Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

1.2.2. Các nguyên tắc áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân

Thuật ngữ "nguyên tắc" có nguồn gốc từ tiếng Latin: Principium (nguyên lý) và có nghĩa là tư tưởng đầu tiên, tư tưởng chỉ đạo trong khoa học, hiện tượng hoặc quá trình. Nguyên lý đó cũng được áp dụng để nghiên cứu pháp luật nói chung và các chế định của nó nói riêng.

Để áp dụng hình phạt đúng pháp luật, công bằng và hợp lý đối với người

phạm tội dù họ thực hiện một tội phạm hay thực hiện nhiều tội phạm, khi áp dụng các chế tài luật hình sự, Tòa án phải tuân theo một số nguyên tắc nhất định. Các nguyên tắc đó được gọi là các nguyên tắc áp dụng hình phạt. Đây là những tư tưởng chỉ đạo, kim chỉ nam cho hoạt động của Tòa án khi chọn và quyết định loại và mức hình phạt đối với từng bị cáo trong từng vụ án cụ thể, là tiền đề, là điều kiện cho việc giáo dục và cải tạo người bị kết án được tốt, góp phần vào việc phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung. Các nguyên tắc áp dụng hình phạt là một trong những nội dung quan trọng của áp dụng hình phạt, việc nghiên cứu làm sáng tỏ các nguyên tắc áp dụng hình phạt tạo tiền đề thuận lợi để áp dụng hình phạt đúng pháp luật. Nếu nhận thức không đúng các nguyên tắc áp dụng hình phạt sẽ dẫn đến việc áp dụng không đúng các quy phạm pháp luật hình sự dẫn đến việc áp dụng hình phạt sai.

Trong luật hình sự Việt Nam, các nguyên tắc áp dụng hình phạt không được ghi nhận chính thức trong Bộ luật hình sự mà được thể hiện thông qua nội dung các quy phạm pháp luật hình sự. Để có cơ sở đưa ra các nguyên tắc áp dụng hình phạt, cần phải dựa vào những tiêu chuẩn nhất định. Những tiêu chuẩn đó là: *Thứ nhất*, phải là những tư tưởng chỉ đạo đầu tiên; *thứ hai*, phải được thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp trong luật hình sự; *thứ ba*, phải là những tư tưởng chỉ đạo định hướng hoạt động của Tòa án trong lĩnh vực quyết định hình phạt; thứ tư, những tư tưởng đó phải phù hợp với chính sách hình sự trong từng giai đoạn phát triển của Nhà nước. Căn cứ vào những tiêu chuẩn trên, việc áp dụng hình phạt cần phải dựa vào những nguyên tắc sau đây:

- Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa;
- Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa;
- Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt;
- Nguyên tắc công bằng (công minh).

*** Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong áp dụng hình phạt**

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa là một nguyên tắc quan trọng và cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nói đến pháp chế là nói

đến sự triệt để tuân thủ pháp luật của Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân. Có tuân thủ triệt để nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa khi quyết định hình phạt thì các nguyên tắc khác của luật hình sự mới được đảm bảo thực hiện.

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa được coi là nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt toàn bộ các hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự. Trong các nguyên tắc áp dụng hình phạt, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa đóng vai trò quan trọng hàng đầu, vi phạm nguyên tắc pháp chế cũng có nghĩa là vi phạm các nguyên tắc khác ở các mức độ khác nhau. Tư tưởng cơ bản bao trùm của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa khi áp dụng hình phạt được thể hiện ở chỗ, khi áp dụng hình phạt đối với người bị kết án, Tòa án phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của luật hình sự.

Nội dung của nguyên tắc này, trước hết, được thể hiện ở chỗ khi áp dụng hình phạt, Tòa án phải tuân theo trình tự và các điều kiện áp dụng các loại hình phạt cụ thể và chỉ có thể tuyên những hình phạt, với mức phạt được quy định trong Bộ luật hình sự.

Nội dung thứ hai của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong khi áp dụng hình phạt là Tòa án phải tuân thủ các quy định của Bộ luật hình sự về nội dung, phạm vi, điều kiện áp dụng các loại hình phạt, về tổng hợp hình phạt. Theo đó, khi quyết định hình phạt, Tòa án phải viện dẫn đầy đủ các căn cứ pháp lý trong bản án, nghĩa là Tòa án phải chỉ rõ các điều luật được vận dụng trong phần quyết định của bản án. Tòa án cần phải triệt để tuân thủ khi xác định và lựa chọn loại hình phạt, mức phạt cụ thể cần áp dụng cho người phạm tội. Ngoài ra, Tòa án cũng cần tuân thủ một cách nghiêm chỉnh các quy định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự..., bởi vì đây là những quy định có tính chất làm cơ sở pháp lý để Tòa án dựa vào đó áp dụng hình phạt cho người phạm tội được chính xác.

Nội dung thứ ba của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa là tính hợp lý của áp dụng hình phạt. Tính hợp lý thể hiện ở chỗ trong số những phương án giải quyết khác nhau mà luật cho phép, Tòa án phải lựa chọn phương án tối ưu nhất, vừa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của các hành vi phạm tội, vừa

phục vụ yêu cầu chính trị-xã hội trong từng giai đoạn, ở từng địa phương. Do đó, Tòa án phải áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự. Áp dụng đúng không có nghĩa là chỉ áp dụng đúng lời văn các quy định của pháp luật hình sự mà còn phải hiểu đúng tinh thần lời văn của pháp luật, tìm hiểu các quy phạm pháp luật hình sự theo quan điểm chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước.

**** Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong quyết định hình phạt***

Tư tưởng nhân đạo luôn được thể hiện rõ nét trong đường lối chính sách của Đảng và các văn bản pháp luật của Nhà nước ta. Trong luật hình sự Việt Nam, tư tưởng nhân đạo được thể hiện xuyên suốt thông qua các quy phạm pháp luật hình sự, hình thành nên nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa. Cùng với nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa không chỉ là một nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam mà còn là nguyên tắc đặc thù cho hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án.

Trước hết, khi áp dụng hình phạt, Tòa án phải đặt mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội là mục đích quan trọng hàng đầu. Do đó, khi áp dụng hình phạt, Tòa án phải cân nhắc lợi ích của xã hội, của Nhà nước và của người phạm tội trong một tổng thể thống nhất biện chứng, hài hòa và hợp lý. Nhân đạo xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có thái độ đúng đắn đối với lợi ích của toàn xã hội, của Nhà nước và của người phạm tội. Bởi lẽ, không thể nói đến nhân đạo được nếu khi quyết định hình phạt mà quá đề cao lợi ích của Nhà nước, của xã hội, hạ thấp, xem thường lợi ích của người phạm tội, hoặc ngược lại.

Nguyên tắc nhân đạo khi áp dụng hình phạt thể hiện ở chỗ luật hình sự nước ta quy định các quy phạm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với những người phạm tội ít nguy hiểm cho xã hội và những người phạm tội lần đầu, những người thật thà khai báo, tố giác đồng bọn, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại đã gây ra. Đối với những người này, khi quyết định hình phạt, tùy theo các tình tiết của vụ án, mức phạt tù và nhân thân người phạm tội, Tòa án có thể cho bị cáo hưởng án treo, khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất hoặc chuyển sang loại hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn...

Còn đối với những người phạm tội đặc biệt nguy hiểm, những người tái phạm, tái phạm nguy hiểm, phạm tội có tổ chức... luật hình sự nước ta có những quy định quyết định hình phạt rất nghiêm khắc nhằm bảo vệ có hiệu quả quyền lợi của xã hội, của nhà nước và mọi công dân khỏi sự xâm hại của tội phạm. Nhưng khi áp dụng hình phạt đối với những người này, nguyên tắc nhân đạo đòi hỏi phải chọn một biện pháp nghiêm khắc thích hợp, phải tuân theo một nguyên lý cơ bản là người bị kết án cũng là con người và mọi người lầm đường lạc lối có thể được giáo dục, cải tạo để trở thành người lao động có ích cho xã hội.

Nguyên tắc nhân đạo còn thể hiện ở việc hạn chế sự trừng trị. Tức là trong một vụ án, Tòa án có thể tuyên một trong những mức cho phép đối với bị cáo: cần thiết tối thiểu, mức cao hơn cần thiết tối thiểu, mức tối đa, thì ở góc độ của việc hạn chế sự trừng trị, Tòa án nên tuyên mức hình phạt cần thiết tối thiểu. Trong mọi trường hợp không cho phép Tòa án quyết định hình phạt với mức "dự trữ", tức là quá mức cần thiết.

**** Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong áp dụng hình phạt***

Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt là nguyên tắc chung của luật hình sự, đồng thời cũng là nguyên tắc của áp dụng hình phạt. Yêu cầu của nguyên tắc này là mọi hành vi phạm tội đều bị phát hiện và trừng phạt, không bỏ lọt tội phạm.

Cá thể hóa hình phạt là nguyên tắc tất yếu của việc áp dụng hình phạt đối với người có hành vi phạm tội. Nguyên tắc này được nhà làm luật thể hiện trước hết ở Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999. Hình phạt được áp dụng đối với những tội nghiêm trọng và ít nghiêm trọng là khác nhau. Người phạm tội nghiêm trọng có thể phải chịu hình phạt tù, còn đối với người phạm tội ít nghiêm trọng có thể áp dụng một trong những hình phạt từ cảnh cáo, phạt tiền (với tư cách là hình phạt chính), cải tạo không giam giữ cho đến hình phạt tù. Nội dung của cá thể hình phạt cũng được thể hiện ở các điều luật quy định các giai đoạn phạm tội, đồng phạm, hệ thống các hình phạt và các điều kiện áp dụng chúng, cũng như quy định việc quyết định hình phạt đối với một số người phạm tội như người chưa thành niên, người già yếu, phụ nữ có thai.

Do đó, cá thể hóa hình phạt là một trong những nguyên tắc quan trọng của chế định hình phạt và là nguyên tắc đặc thù của áp dụng hình phạt. Khi áp dụng hình phạt, Tòa án phải cân nhắc tất cả các tình tiết có trong vụ án để đánh giá chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Nếu tội phạm xảy ra xâm hại tới quan hệ xã hội càng quan trọng thì tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi đã thực hiện càng lớn và do vậy, Tòa án phải quyết định một hình phạt nghiêm khắc hơn (so với trường hợp khác có các tình tiết tương đương). Trong trường hợp tội phạm thực hiện dưới hình thức đồng phạm, khi áp dụng hình phạt, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia của từng người đồng phạm, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng người đồng phạm. Tòa án không chỉ xem xét hình thức phạm tội mà còn phải xem xét giai đoạn phạm tội; xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi đã thực hiện, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng; xem xét các tình tiết khác phản ánh tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội như tính nguy hiểm của công cụ, phương tiện phạm tội, thủ đoạn phạm tội, hoàn cảnh phạm tội, mức độ lỗi, động cơ, mục đích phạm tội... để từ đó áp dụng hình phạt đúng đắn đối với người phạm tội.

**** Nguyên tắc công bằng trong áp dụng hình phạt của Tòa án***

Theo Từ điển tiếng Việt thì "công bằng" được hiểu là "theo đúng lẽ phải, không thiên vị". Ở nước ta, tư tưởng công bằng luôn được thể hiện rõ nét trong đường lối chính sách của Đảng và các văn bản pháp luật của Nhà nước. Trong luật hình sự Việt Nam, tư tưởng công bằng được thể hiện xuyên suốt thông qua các quy phạm pháp luật hình sự, hình thành nên một nguyên tắc của luật hình sự-nguyên tắc công bằng.

Nguyên tắc công bằng trong áp dụng hình phạt được hiểu là hình phạt phải phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, không phân biệt giới tính, dân tộc, địa vị kinh tế, tôn giáo, tín ngưỡng, thành phần xuất thân, tình trạng tài sản của người phạm tội... hình phạt càng phù hợp với hành vi phạm tội thì

nguyên tắc công bằng càng được thực hiện triệt để.

Công bằng không chỉ đặt ra đối với bản thân người có hành vi phạm tội mà còn phải đặt trong sự so sánh với những tội phạm khác và với những người phạm tội khác. Việc nhà làm luật phân loại tội phạm thành 4 loại cũng như quy định rõ trường hợp hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng nguy hiểm không đáng kể thì không bị coi là tội phạm và bị xử lý bằng biện pháp khác cũng thể hiện rõ nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt. Bởi các hành vi khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm thì mức độ xử lý phải khác nhau, không thể có mức xử lý ngang nhau đối với các trường hợp phạm tội cụ thể khác nhau. Chỉ khi nào hình phạt đã tuyên tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì khi đó hình phạt này mới chính xác, công bằng đối với người phạm tội và trong mối tương quan với tội phạm khác, hình phạt đã tuyên cũng phải có tính hợp lý, công bằng. Nếu có sự chênh lệch lớn giữa tội phạm và hình phạt thì khi đó nguyên tắc công bằng không thể đạt được. Tội phạm càng nguy hiểm thì hình phạt càng nghiêm khắc. Ngoài ra, các trường hợp phạm tội cụ thể của một tội phạm rất khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm, do vậy, nhà làm luật quy định chế tài lựa chọn trong khung hình phạt để Tòa án tùy từng trường hợp cụ thể quyết định một hình phạt thực sự công bằng so với hành vi phạm tội của bị cáo, phản ánh đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Tòa án khi áp dụng hình phạt phải cân nhắc toàn bộ các tình tiết có trong vụ án, không được bỏ sót bất cứ tình tiết nào có liên quan đến hành vi phạm tội cũng như khả năng đạt được mục đích của hình phạt, từ đó quyết định hình phạt thỏa đáng, công bằng đối với bị cáo. Bởi nếu Tòa án bỏ sót một tình tiết nào đó sẽ dẫn đến hậu quả quyết định hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ đối với bị cáo và rõ ràng khi đó, nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt không thể đạt được.

1.3. Các tiêu chí đánh giá kết quả áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án nhân dân

1.3.1. Việc áp dụng hình phạt trong hoạt động xét xử phải thấu tình, đạt lý

Áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án phải đảm bảo tính chất thấu tình và đạt lý. Xét xử thấu tình, đạt lý là mong muốn lớn nhất của xã hội đối với việc xét xử của Tòa án nói chung, đặc biệt là xét xử hình sự.

Căn cứ vào BLHS, BLTTHS và các văn bản hướng dẫn, Tòa án thông qua Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố tụng tại phiên tòa nhằm định tội và lượng hình đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử phải xác định: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội; Những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và những đặc điểm về nhân thân của bị cáo; Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Trên cơ sở xem xét công khai, khách quan, toàn diện vụ án tại phiên tòa để phán quyết bị cáo có tội hay không có tội, nếu có tội thì là tội danh nào theo quy định của BLHS, áp dụng hình phạt tương xứng đối với bị cáo. Như vậy, hoạt động áp dụng hình phạt là hoạt động sau cùng và quan trọng nhất của quá trình xét xử hình sự, được tiến hành liền sau khi định tội danh đối với bị cáo. Dựa trên cơ sở các căn cứ do BLHS quy định về quyết định hình phạt như: căn cứ các quy định của BLHS, căn cứ nhân thân người phạm tội, căn cứ tính chất mức độ của tội phạm và căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án sẽ áp dụng loại hình phạt nằm trong các loại hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với bị cáo cũng như lựa chọn mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của bị cáo. *Vì vậy xét xử kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật (cả pháp luật nội dung và tố tụng) là tiêu chí đầu tiên và quan trọng nhất của việc ADPL hình sự của Tòa án. Không chỉ đúng pháp luật mà bản án của Tòa án phải mang tính thuyết phục cao.* Được sự đồng tình ủng hộ của dư

luận xã hội, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa, các cơ quan truyền thông báo chí và đông đảo quần chúng nhân dân đều cảm thấy "Tâm phục, khẩu phục" đối với phán quyết của Tòa án. Mặc dù là tiêu chí không định lượng được, nhưng có ý nghĩa tham khảo rất quan trọng. Những phán quyết khách quan, công bằng, hợp lý, đậm tính nhân văn, cần được xã hội thừa nhận, tạo được niềm tin của nhân dân đối với công lý.

Khi áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự cần chú ý giải quyết các mối quan hệ lợi ích hài hòa giữa các công dân (bị cáo – người bị hại), giữa công dân với Nhà nước và trật tự công cộng. Không nên đặt quá cao lợi ích của bất cứ một chủ thể nào mà ảnh hưởng tới lợi ích của chủ thể khác, kể cả Nhà nước. Bảo đảm được quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công dân và giữ vững được an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Xét xử vụ án hình sự chính xác, kịp thời, công khai, dân chủ, đúng luật, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đảm bảo công lý, công bằng xã hội là đòi hỏi rất lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với cơ quan Tòa án.

1.3.2. Việc áp dụng hình phạt của Tòa án phải thực sự dân chủ, minh bạch, bảo vệ các quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công dân

Với chức năng xét xử thì Tòa án là đại diện cho quyền lực tư pháp, phiên tòa hình sự là nơi biểu hiện tập trung cao nhất của quyền lực tư pháp, đồng thời là nơi thể hiện nền công lý, sự đối xử bình đẳng, công bằng trong tất cả các mối quan hệ và cũng là nơi thể hiện chất lượng hoạt động và uy tín của hệ thống tư pháp. Theo quy định của BLTTHS năm 2003, dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa, người tham gia tố tụng đều có quyền tự do trình bày ý kiến của mình về vụ án để từ đó, Tòa án có căn cứ áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác đều có quyền tranh luận công khai với kiểm sát viên duy trì quyền công tố tại phiên tòa. Không được giới hạn thời gian tranh luận. Phán quyết của Tòa án phải dựa trên kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Vì vậy phiên tòa hình sự phải được tổ chức đúng theo tinh thần nghị quyết 49/TW của Bộ Chính trị, thực sự dân chủ, minh bạch. Các tài liệu, chứng cứ phải được thẩm tra công

khai tại phiên tòa, toàn bộ sự thật khách quan, nội dung các tình tiết của vụ án phải được làm rõ tại phiên tòa. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của mình và giám sát hoạt động xét xử của Tòa án. Tòa án thực sự là chỗ dựa vững chắc của mỗi người dân khi quyền và lợi ích hợp pháp của họ bị xâm hại.

Trong quá trình thực hiện việc áp dụng hình phạt Tòa án cần chủ động quan tâm đến quyền lợi chính đáng của người dân, vì khái niệm quyền, lợi chính đáng có nội hàm rộng hơn quyền lợi hợp pháp. Nhiều trường hợp pháp luật không thể dự liệu trước các tình huống trên thực tế, trong quá trình giải quyết vụ án những gì là lợi ích chính đáng thì cần quan tâm giải quyết thỏa đáng cho họ, dù đó là người liên quan, người bị hại hay bị cáo. Như cân nhắc thận trọng trong việc xác định có tội hay không? tội danh gì? mức hình phạt tương xứng? hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam khi chưa thực sự cần thiết...

Tính chất minh bạch, công khai của hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án trong xét xử hình sự, nhằm đảm bảo cho mọi quyết định của Tòa án về hình phạt đối với bị cáo đều đảm bảo đúng người, đúng tội, hợp tình và hợp lý. Tính công khai, minh bạch cũng đảm bảo sự giám sát, kiểm tra của xã hội, cơ quan nhà nước cấp trên đối với hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án.

Kể cả khi người có hành vi nguy hiểm được coi là có tội thì mục đích của hình phạt không chỉ trừng phạt kẻ phạm tội, mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật nếu áp dụng hệ thống hình phạt không quá hà khắc, dã man, xúc phạm nhân phẩm danh dự, gây đau đớn về thân thể và tinh thần đối với người phạm tội như hệ thống hình phạt của pháp luật phong kiến. Khi họ phải chấp hành hình phạt tù hoặc đang chấp hành hình phạt tù, mà bị bệnh nặng, nếu tiếp tục chấp hành hình phạt tù sẽ nguy hiểm đến tính mạng thì được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù để chữa bệnh. Điều đó chứng tỏ *quyền con người luôn luôn được pháp luật hình sự đặc biệt coi trọng trong tất cả các giai đoạn tố tụng.*

1.3.3. Việc áp dụng hình phạt của Tòa án phải góp phần nâng cao ý thức

pháp luật của người dân

Những bản án áp dụng hình phạt công bằng, nghiêm minh, đúng pháp luật góp phần tích cực vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật rất lớn. Tác động mạnh mẽ đến ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Nếu phạm tội sẽ bị trừng phạt rất nghiêm khắc, kể cả tử hình. Các phiên tòa công khai, đặc biệt là các phiên tòa lưu động tại nơi xảy ra vụ án, hoặc nơi phức tạp về an ninh trật tự là những hoạt động thiết thực giáo dục mọi người tôn trọng pháp luật và rèn luyện thói quen tuân thủ pháp luật. Vì vậy việc áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án không chỉ răn đe đối với bị cáo mà còn phải đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân, khuyến khích hành vi hướng thiện, hợp pháp, phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác.

1.3.4. Việc áp dụng hình phạt phải đảm bảo được hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm

Mặc dù đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước đã được thể chế vào pháp luật, nhưng khi áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự cần phải cân nhắc vừa đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật vừa tích cực góp phần thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước trong mỗi giai đoạn cách mạng hoặc phục vụ nhiệm vụ chính trị, đặc biệt là khi quyết định hình phạt. Vì chế tài hình sự là biện pháp cưỡng chế mạnh nhất của nhà nước, nó có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chế độ chính trị. Đương nhiên việc định tội không thể tùy tiện gán ghép tội danh mà phải đầy đủ các dấu hiệu pháp lý cấu thành tội phạm theo đúng quy định của pháp luật và khi áp dụng hình phạt mặc dù trong khung của tội danh nhưng phải tính toán để mức hình phạt đáp ứng được cả hai yếu tố trên.

Kết luận chương 1

Như vậy, qua nghiên cứu chương 1 của luận văn với tiêu đề “Những vấn đề lý luận về áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân” chúng ta có thể rút ra những kết luận như sau:

Một là, những nội dung có liên quan đến khái niệm áp dụng hình phạt của Tòa án xuất phát từ khái niệm áp dụng pháp luật. Bởi lẽ, đây là một hoạt động cụ thể của áp dụng pháp luật. Việc xây dựng khái niệm áp dụng hình phạt của Tòa án có ý nghĩa quan trọng trong xác định nội dung nghiên cứu của luận văn. Từ khái niệm trên chúng ta có thể rút ra đặc điểm của hoạt động áp dụng hình phạt được thể hiện, mang những đặc trưng dùng để phân biệt với các hoạt động khác.

Hai là, nội dung của quy định pháp luật về áp dụng hình phạt thể hiện ở các nguyên tắc, các phạm vi, căn cứ áp dụng hình phạt. Hoạt động áp dụng hình phạt là sự kết hợp giữa luật nội dung và luật hình thức. Theo đó, quy định của pháp luật nội dung là BLHS là căn cứ, là cơ sở để Tòa án áp dụng hình phạt. Còn quy định của luật hình thức (BLTTHS) giúp Tòa án xác định trình tự, thủ tục để áp dụng hình phạt đối với người phạm tội.

Ba là, nghiên cứu đánh giá về các tiêu chí xác định chất lượng áp dụng hình phạt có ý nghĩa quan trọng. Theo đó, tiêu chí quan trọng nhất để xác định chất lượng của áp dụng hình phạt đó là việc áp dụng hình phạt phải tuân thủ nguyên tắc đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phải đảm bảo đúng về loại và mức hình phạt.

Chương 2

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TRONG XÉT XỬ HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TẠI HUYỆN PHÚC THỌ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội của huyện Phúc Thọ; Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân tại huyện Phúc Thọ thành phố Hà Nội

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội huyện Phúc Thọ

Phúc Thọ là huyện đồng bằng Bắc Bộ, nằm bên bờ hữu ngạn của cả hai con sông: sông Hồng và sông Đáy, của hệ thống sông Hồng. Phúc Thọ có ranh giới phía tây giáp thị xã Sơn Tây, phía nam giáp huyện Thạch Thất, phía đông nam (lần lượt từ Nam lên Đông) giáp các huyện Quốc Oai và Hoài Đức, phía đông giáp huyện Đan Phượng. Ranh giới phía đông của huyện với các huyện Đan Phượng và Hoài Đức, gần như chính là con sông Đáy, tên cổ là con sông Hát, là phân lưu của sông Hồng. Về phía bắc, sông Hồng là ranh giới của huyện, mà tính từ đông sang tây gồm có: Mê Linh (ở góc phía đông bắc), các huyện của tỉnh Vĩnh Phúc như Yên Lạc (ở phía bắc), Vĩnh Tường (ở góc phía tây bắc). Góc phía đông bắc huyện, trên ranh giới với các huyện Mê Linh và Đan Phượng, tại vị trí các xã Vân Hà, Vân Nam và Hát Môn, huyện có cửa Hát Môn, vốn là ngã ba sông phân lưu nước sông Hồng vào sông Đáy. Diện tích tự nhiên của huyện Phúc Thọ là 117,3 km². Dân số 169.139 (2011). Huyện Phúc Thọ có 1 thị trấn Phúc Thọ và 22 xã.

Về kinh tế, huyện Phúc Thọ là một trong những huyện ngoại thành của Thành phố Hà Nội, mới được sáp nhập vào năm 2008. Có cơ cấu kinh tế thiên về nông nghiệp, tuy nhiên trong những năm vừa qua, chuyển biến cơ cấu kinh tế của Phúc Thọ đang có xu hướng công nghiệp ngày càng tăng nhanh và đóng góp chủ yếu vào tổng thu của huyện. Toàn huyện hiện có 60/88 làng có nghề, trong đó có 5 làng được công nhận là làng nghề truyền thống. Các địa phương có nghề tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển, mở rộng thị trường, điều chỉnh nghề sản xuất để thích ứng với bối cảnh suy thoái kinh tế. Vì vậy trong nhiệm kỳ qua, kinh tế của huyện tiếp tục phát triển, duy trì mức tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng bình quân

đạt 9,8%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, nông nghiệp giảm 7,5%; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản tăng 2,8%; Thương mại dịch vụ tăng 4,7%. Đời sống nhân dân ngày một nâng cao. Năm 2014, thu nhập bình quân đầu người đạt 25,2 triệu đồng.

Đảng bộ huyện có 45 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 23 đảng bộ xã, thị trấn, 06 đảng bộ cơ quan và 16 chi bộ trực thuộc với hơn 6.500 đảng viên. Đảng bộ huyện không ngừng đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, trong đó trọng tâm là nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đổi mới công tác cán bộ và giáo dục chính trị, tư tưởng, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết TW 4 (khóa XI). Các tổ chức chính trị - xã hội, gồm: MTTQ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Công đoàn và Đoàn Thanh niên được phủ kín và hoạt động hiệu quả ở các cơ sở. Trên địa bàn có 77 trường học (Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học Phổ thông, Giáo dục thường xuyên) và có 223 cơ quan, doanh nghiệp.

Toàn huyện có 81 làng, trong đó 61 làng có nghề, 5 làng được công nhận là làng nghề truyền thống với những sản phẩm nổi tiếng khắp trong và ngoài khu vực như: đậu phụ Linh Chiểu, rau muống tiến vua Sen Chiểu, tương đỗ Thượng Cốc, bánh bún Hát Môn, thú nhồi bông Tam Hiệp.

Trong những năm gần đây, kinh tế của huyện có những bước phát triển khá, tăng trưởng bình quân đạt trên 10%/năm. Chín tháng đầu năm 2013, kinh tế tăng trưởng 10,1%, thu ngân sách đạt trên 80%. Trong đó, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 3,8%, CN- XD/CB tăng 13,8%, thương mại – dịch vụ tăng 12,1%. Hiện nay, Huyện đang tập trung thực hiện 7 nhiệm vụ trọng tâm, 2 khâu đột phá và 6 chương trình công tác lớn xuyên suốt nhiệm kỳ. Chương trình xây dựng nông thôn mới và DDĐT được chỉ đạo quyết liệt và có nhiều khởi sắc. Sau dồn điền đổi thửa, Huyện sẽ tập trung vào cơ giới hóa, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tổ chức lại sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng trên diện tích đất canh tác của nông dân.

Hiện nay, huyện Phúc Thọ được thành phố Hà Nội quy hoạch là vùng sinh thái, phát triển du lịch và nông nghiệp sạch, chất lượng cao. Hy vọng trong thời gian tới, Huyện sẽ có bước phát triển mới và là điểm đến của các nhà đầu tư và khách du lịch.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ

Cùng với hệ thống tổ chức ngành Tòa án nhân dân theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Tòa án được tổ chức theo mô hình 4 cấp thì Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ trực thuộc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, là tòa án cấp thấp nhất, có nhiệm vụ xét xử trên địa bàn địa giới hành chính là huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Theo đó, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, đóng trên địa bàn huyện Xét xử, giải quyết những vụ án hình sự; những vụ việc dân sự (bao gồm những yêu cầu và tranh chấp về dân sự; hôn nhân và gia đình; kinh doanh, thương mại; lao động); những vụ án hành chính; giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản hợp tác xã, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Giải quyết những việc khác theo quy định của pháp luật (quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình giải quyết tranh chấp; ra quyết định thi hành án hình sự; hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; ra quyết định miễn chấp hành hình phạt hoặc giảm mức hình phạt đã tuyên; ra quyết định xoá án tích...). Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Bằng hoạt động của mình, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

Tòa án nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính và giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật; xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình tố

tụng; căn cứ vào kết quả tranh tụng để ra bản án, quyết định việc có tội hoặc không có tội, áp dụng hoặc không áp dụng hình phạt, biện pháp tư pháp, quyết định về quyền và nghĩa vụ về tài sản, quyền nhân thân.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã ngày càng trưởng thành, về tổ chức bộ máy cũng như hoạt động xét xử. Tính đến tháng 12/2016, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thành phố Hà Nội có 11 biên chế, trong đó bao có 1 Chánh án, 2 Phó chánh án, gồm 5 thẩm phán, 5 thư ký và 01 kế toán. Hàng năm Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết hàng trăm vụ án hình sự và vụ việc dân sự đã xảy ra trên địa bàn. Kết quả giải quyết hàng năm đều đạt 100% đối với án hình sự, trên 90% đối với vụ việc dân sự, kinh doanh thương mại, lao động và hành chính (tính theo số liệu tổng kết thi đua hàng năm). Tỷ lệ án phải cải sửa, hủy đã giảm đáng kể ở mức 0,1% tổng số bản án đã xét xử. Điều này cho thấy những nỗ lực đáng ghi nhận của Tập thể cán bộ Tòa án huyện Phúc Thọ đã đạt được trong những năm vừa qua.

Như vậy, đội ngũ cán bộ TAND cấp huyện ở Phúc Thọ hiện nay đã được củng cố về mọi mặt, cả về số lượng và chất lượng. Sự lớn mạnh của Thẩm phán TAND cấp huyện so với thời gian trước cũng như sự chênh lệch không quá lớn về trình độ chuyên môn, số lượng Thẩm phán giữa các TAND cấp huyện là cơ sở, điều kiện cần thiết và vững chắc để thực hiện thẩm quyền xét xử theo sự việc các vụ án hình sự của TAND cấp huyện.

Trong những năm vừa qua, Tòa án huyện Phúc Thọ đã phát động được các đợt thi đua gắn với các chủ đề: “Mừng Đảng quang vinh, Mừng Xuân thắng lợi”, “Giải quyết, xét xử án chất lượng và hiệu quả” và Phong trào thi đua “Lập thành tích xuất sắc chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Tòa án nhân dân (13/9/1945 và 13/9/2015)”... Sau các đợt thi đua đều tổ chức sơ kết, để từ đó phát huy được các ưu điểm, kịp thời khen thưởng các cá nhân, tập thể lập thành tích xuất sắc trong công tác, đồng thời, qua đó, rút kinh nghiệm để khắc phục những hạn chế, thiếu sót. Ngoài ra, ngành Tòa án thành phố Hà Nội đã tổ chức thành công Hội nghị sơ kết hợp tác đấu tranh, phòng, chống và xét xử các loại tội phạm và kỳ thi tuyển

danh hiệu “Thẩm phán giỏi”, đề nghị tặng danh hiệu “Thẩm phán giỏi”, “Thẩm phán tiêu biểu” năm 2015 – 2016, trong đó Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ có 01 Thẩm phán – Chánh án là 1 trong 2 người trên toàn quốc đã vinh dự đạt danh hiệu Thẩm phán tiêu biểu.

2.2. Kết quả áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ

2.2.1. Kết quả xét xử hình sự của Tòa án trên địa bàn huyện Phúc Thọ

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, tình hình tội phạm có chiều hướng gia tăng, đặc biệt tội phạm ma túy và các tội phạm có nguyên nhân từ ma túy chiếm tới gần 50% các vụ án hình sự xảy ra trên địa bàn, tội phạm có tổ chức hoạt động theo băng nhóm, bảo kê, đòi nợ thuê, đâm chém thuê, thậm chí các băng nhóm sử dụng súng quân dụng thanh toán lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng..., hàng năm trên địa bàn tỉnh xảy ra khoảng hơn 100 vụ án hình sự. Dưới đây là số liệu giải quyết án hình sự mà TAND ở huyện Phúc Thọ đã xét xử từ năm 2012 đến năm 2016.

Năm 2012, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý 66 vụ án hình sự các loại, gồm 112 bị cáo. Đã giải quyết 62 vụ, gồm 109 bị cáo, tỷ lệ giải quyết đạt 93% về số vụ.

Năm 2013, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý 96 vụ án hình sự các loại (chuyển năm trước 3 vụ) , gồm 154 bị cáo. Đã giải quyết 86 vụ, gồm 144 bị cáo, tỷ lệ giải quyết đạt 89% về số vụ.

Năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý 102 vụ án hình sự các loại (chuyển năm trước 1 vụ), gồm 179 bị cáo. Đã giải quyết 88 vụ, gồm 151 bị cáo, tỷ lệ giải quyết đạt 86% về số vụ.

Năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý 71 vụ án hình sự các loại (chuyển năm trước 2 vụ) , gồm 117 bị cáo. Đã giải quyết 63 vụ, gồm 199 bị cáo, tỷ lệ giải quyết đạt 88% về số vụ.

Năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý 87 vụ án hình sự các loại, gồm 138 bị cáo. Đã giải quyết 78 vụ, gồm 130 bị cáo, tỷ lệ giải quyết đạt 89% về số vụ [60].

Kết quả xét xử hình sự của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ trong giai đoạn

từ năm 2012 đến năm 2016 được thể hiện qua bảng số liệu sau.

Bảng 2.1. Số liệu giải quyết án hình sự của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ giai đoạn 2012 – 2016

Năm	Số thụ lý		Số đã xét xử
	Vụ án	Bị cáo	
2012	66	112	62
2013	96	154	86
2014	102	179	88
2015	71	117	63
2016	87	138	78
Tổng	422	700	377

Nguồn: Báo cáo thống kê – Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ

(Số liệu thi đua ngành tòa án tính từ 01/10 năm trước đến hết 30/9 năm sau, tuy nhiên luận văn này tính số liệu theo năm dương lịch từ 01/01 đến 31/12 hàng năm)

Như vậy qua bảng số liệu trên ta thấy, tình hình xét xử án hình sự trên địa bàn huyện Phúc Thọ trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016 có những diễn biến phức tạp, tỉ lệ tăng và giảm không ổn định, xu hướng chung toàn giai đoạn số vụ án thụ lý và số bị can thụ lý của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ ngày một tăng từ 66 vụ năm 2012 lên 87 vụ năm 2016, cá biệt trong giai đoạn có năm 2014 số vụ án hình sự thụ lý tăng mạnh lên 102 vụ. Hàng năm, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã giải quyết đạt tỉ lệ trung bình 88% tổng số vụ án đã thụ lý, toàn giai đoạn giải quyết tổng 377 vụ án. Đây là kết quả công tác khá tích cực của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, điều này cho thấy sự cố gắng của tập thể cán bộ, Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện trong việc làm tốt nhiệm vụ công tác xét xử cả năm.

2.2.2. Kết quả áp dụng hình phạt

Như bảng trên đã phân tích, trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý và xét xử 422 vụ án và 700 bị cáo phạm tội về hình sự [60]. Những vụ án được xét xử đã đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng

chống tội phạm và đảm bảo việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Thống kê bản án xét xử qua các năm của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ có thể thấy kết quả áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đạt được như sau:

Bảng 2.2. Kết quả áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Hình phạt cảnh cáo	Hình phạt tiền (hình phạt chính)	Hình phạt Cải tạo không giam giữ	Hình phạt tù có thời hạn		Phạt tiền (hình phạt bổ sung)
				Dưới 3 năm	Tù trên 3 năm	
2012	0	16	20	131	31	64
2013	0	11	17	157	19	67
2014	0	21	19	112	25	60
2015	0	19	24	149	8	91
2016	0	22	25	135	16	88
Tổng	0	89	105	684	99	370

Nguồn: Thống kê xét xử - TAND Huyện Phúc Thọ

Qua kết quả trên ta thấy, cơ cấu áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã áp dụng đối với các bị cáo trong giai đoạn vừa qua là tương đối đa dạng và có sự thay đổi không đáng kể giữa các năm.

- Đối với hình phạt cảnh cáo trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016 Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã không áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với bị cáo nào. Điều này phản ánh thực tế về hình phạt cảnh cáo ở Việt Nam, đó là việc các Tòa án rất ít áp dụng hình phạt này trên thực tế.

- Hình phạt cải tạo không giam giữ, trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm

2016 Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã áp dụng hình phạt này đối với 89 bị cáo. Đây là một điểm tích cực trong cơ cấu áp dụng hình phạt tại hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, bởi lẽ trên thực tế áp dụng hình phạt ở Việt Nam, hình phạt cải tạo không giam giữ thường bị các Tòa án hạn chế áp dụng, mà có nhiều trường hợp Tòa án cho hưởng án treo thay vì áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Tuy nhiên trong toàn giai đoạn, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã áp dụng đối với 89 trường hợp là một tỉ lệ khá lớn, như vậy bình quân mỗi năm Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với khoảng gần 20 bị cáo. Nghiên cứu việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tại Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ cho thấy, hình phạt này được áp dụng đối với chủ yếu là các bị cáo phạm tội có vai trò thứ yếu trong các vụ án đánh bạc, khoảng 90% số bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là các bị cáo phạm tội đánh bạc, còn lại một số ít là phạm tội trộm cắp tài sản và tội gây rối trật tự công cộng. Một điểm cũng đáng lưu ý là trong những năm vừa qua, trên địa bàn huyện Phúc Thọ đã xảy ra những vụ án đánh bạc khá lớn, có số người tham gia đánh bạc nhiều, có những vụ lên tới gần 20 bị cáo phạm tội, trung bình hàng năm Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã xét xử khoảng hơn 10 vụ án đánh bạc các loại. Tỷ lệ số vụ án trên áp dụng các hình phạt ở mức độ nhẹ như phạt tù dưới 3 năm, phạt tù nhưng cho hưởng án treo, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tiền (hình phạt chính) là một điểm đáng lưu ý trong cơ cấu áp dụng hình phạt của huyện Phúc Thọ.

- Hình phạt tù dưới 3 năm: Đây là hình phạt được áp dụng nhiều nhất ở huyện Phúc Thọ. Trong toàn giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã áp dụng hình phạt tù dưới 3 năm (gồm cả phạt tù nhưng cho hưởng án treo) đối với 684 bị cáo, hình phạt tù dưới 3 năm chiếm tới khoảng 85% tổng số loại hình phạt đã áp dụng ở huyện Phúc Thọ. Điều này cũng phản ánh chính xác cơ cấu áp dụng hình phạt trên địa bàn cả nước trong những năm vừa qua. Có thể kể đến các nguyên nhân như: BLHS còn thiên về quy định hình phạt tù trong cơ cấu quy định về hình phạt áp dụng đối với các tội danh, chính vì vậy Nghị

quyết 49/2005/NQ-TW đã đưa ra định hướng giảm áp dụng hình phạt tù, tăng cường áp dụng các hình phạt không tước tự do, do đó, các Tòa án khi áp dụng hình phạt cũng thường lựa chọn hình phạt tù có thời hạn để áp dụng; Thứ hai xuất phát từ thực tế các Tòa án khá lạm dụng trong việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn, bởi lẽ trong sự lựa chọn giữa phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ và phạt tù nhưng cho hưởng án treo, thì các tòa thường lựa chọn phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Một số vấn đề về trách nhiệm hình sự có khác nhau, nhưng hậu quả thực tế mà người phạm tội gánh chịu khá tương đồng.

- Hình phạt tù trên 3 năm: Đây là nhóm hình phạt mà Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ áp dụng ở mức hạn chế trong toàn giai đoạn từ năm 2012 – 2016, trong giai đoạn này, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã áp dụng hình phạt có mức trên 3 năm tù đối với 99 bị cáo. Trong đó thường là áp dụng hình phạt tù ở trong khoảng từ 3 năm đến 7 năm, còn đối với trường hợp áp dụng hình phạt tù từ 7 năm trở lên ở rất ít trường hợp. Điều này xuất phát từ nguyên nhân, các tội phạm xảy ra trên địa bàn huyện Phúc Thọ là những tội phạm ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng thường ở các nhóm tội như: đánh bạc, tổ chức đánh bạc; vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; cố ý gây thương tích; gây rối trật tự công cộng nên thường không áp dụng hình phạt quá nặng đối với bị cáo do BLHS quy định về hình phạt đối với các tội danh này cũng không quá nghiêm khắc.

- Hình phạt tiền áp dụng với tư cách là hình phạt chính. Trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã áp dụng hình phạt tiền với tư cách là hình phạt chính đối với 89 trường hợp. Nghiên cứu cơ cấu áp dụng hình phạt tiền trên địa bàn huyện Phúc Thọ cho thấy, đại đa số các hình phạt tiền được áp dụng đối với các bị cáo phạm tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, còn đối với các tội danh khác ít áp dụng.

- Hình phạt tiền với tư cách là hình phạt bổ sung: Phạt tiền được áp dụng với tư cách là hình phạt bổ sung được áp dụng nhằm mục đích hỗ trợ cho hình phạt chính, tạo ra mục đích hoàn chỉnh của các biện pháp cưỡng chế đối với người phạm tội. Trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ

đã áp dụng hình phạt tiền với tính chất là hình phạt bổ sung đối với 370 bị cáo. Nghiên cứu về các vụ án áp dụng hình phạt này cho thấy, chủ yếu hình phạt tiền với tính chất là hình phạt bổ sung được áp dụng đối với các bị cáo phạm tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, nhằm hỗ trợ cho hình phạt chính đã áp dụng đối với họ. Như trên đã phân tích, do tỉ lệ án về đánh bạc xảy ra trên địa bàn huyện Phúc Thọ là tương đối lớn với quy mô đánh bạc là khá nghiêm trọng nên việc áp dụng các hình phạt này đối với bị cáo là cần thiết.

2.3. Những hạn chế, tồn tại trong áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ

2.3.1. Những hạn chế, tồn tại

Qua nghiên cứu hoạt động áp dụng hình phạt trong thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội trong những năm vừa qua cho thấy, số vụ án xét xử đều đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bên cạnh những thành tích đáng được ghi nhận thì kết quả xét xử, áp dụng hình phạt trên địa bàn huyện Phúc Thọ trong những năm vừa qua vẫn có những vụ án có kháng cáo của bị cáo, kháng nghị của VKS về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo, kết quả xét xử phúc thẩm đã có một số vụ án bị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án, trong đó có phần sửa về hình phạt.

- Trong năm 2012, có 10 vụ án với 17 bị cáo có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã sửa bản án phần liên quan đến hình phạt với bị cáo ở 6 trường hợp.

- Trong năm 2013, có 15 vụ án với 22 bị cáo có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã sửa bản án phần liên quan đến hình phạt với bị cáo ở 13 trường hợp.

- Trong năm 2014, có 18 vụ án với 23 bị cáo có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã sửa bản án phần liên quan đến hình phạt với bị cáo ở 11 trường hợp.

- Trong năm 2015, có 12 vụ án với 15 bị cáo có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã sửa bản án phần liên quan đến hình phạt với bị cáo ở 7

trường hợp.

- Trong năm 2016, có 16 vụ án với 25 bị cáo có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã sửa bản án phần liên quan đến hình phạt với bị cáo ở 11 trường hợp [60].

Như vậy, kết quả xét xử phúc thẩm nói trên của Tòa án nhân dân cấp trên đối với hoạt động xét xử trong đó có hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ cho thấy: Hoạt động áp dụng hình phạt trong xét xử hình sự của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ vẫn có những hạn chế nhất định. Tuy nhiên cũng cần loại trừ trong đó có một số trường hợp sửa án do có tình tiết khách quan mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm. Các mặt hạn chế thể hiện ở một số góc độ như sau:

Thứ nhất, hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án còn chưa thực sự nắm vững được quy định của BLHS về căn cứ quyết định hình phạt, do đó đánh giá sai về các căn cứ này như nhân thân người phạm tội, các quy định của BLHS về hình phạt.... Như trên đã phân tích, hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án cần dựa trên cơ sở các căn cứ quy định của BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đặc biệt, trong năm 2016, tuy BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực nhưng có một giai đoạn, ngành Tòa án cần áp dụng những quy định có lợi của BLHS năm 2015 trong khi xét xử theo Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về thi hành Bộ luật hình sự, các văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao. Việc dựa trên cơ sở các căn cứ này sẽ góp phần áp dụng loại và mức hình phạt chính xác, khách quan và đúng đắn đối với người phạm tội. Tuy nhiên trong thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân thì có một số vụ án hoạt động đánh giá các căn cứ này còn chưa thực sự chính xác, dẫn đến những sai lầm trong áp dụng pháp luật. Ví dụ: Vụ án Nguyễn Đức Bằng và đồng phạm, phạm tội tổ chức đánh bạc và đánh bạc xảy ra tại thị trấn Phúc Thọ, đã bị cơ quan công an huyện Phúc Thọ bắt giữ, cơ quan điều tra Công an huyện Phúc Thọ khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Đức Bằng về tội tổ chức đánh bạc cùng với 17 đồng phạm khác về tội đánh bạc. Viện kiểm sát huyện Phúc Thọ đã ra bản cáo trạng Nguyễn Đức Bằng và đồng phạm về các tội danh nêu trên. Hội đồng xét xử trong quá trình xét xử và tuyên án đã áp dụng với Nguyễn

Đức Bằng mức hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Mặc dù trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét hỏi đã khẳng định Nguyễn Đức Bằng có 1 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích, đồng thời Bằng là đối tượng có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và có 1 tiền án về tội này chưa được xóa án tích. Việc Hội đồng xét xử cho Bằng hưởng án treo là vi phạm quy định của BLHS (Điều 60) về căn cứ áp dụng án treo đối với bị cáo. Mức án này không đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Sau đó, bản án trên đã bị VKSND huyện Phúc Thọ kháng nghị, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Bằng, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử phúc thẩm và chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt của Viện kiểm sát. Đây là hạn chế đầu tiên và cũng ở mức độ hay xảy ra nhất trong những trường hợp có sai lầm trong áp dụng hình phạt của Tòa án. Hay đối với bản án sơ thẩm số 37/2016/HSST ngày 26/8/2016, do không cập nhật kịp thời về việc áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo trong Bộ luật hình sự năm 2015 theo tinh thần Nghị quyết số 109/2015/QH13 về cách tính thời gian xóa án tích nên cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo Nguyễn Trọng Kiều chưa được xóa án tích và áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm, dẫn đến bị cáo bị áp dụng hình phạt nặng hơn do với quy định. Cấp phúc thẩm đã sửa bản án và yêu cầu cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Thứ hai, trong quá trình áp dụng hình phạt, Tòa án đã vi phạm trong việc áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo, tuyên mức hình phạt vượt quá phạm vi mà BLHS quy định đối với tội danh. Ví dụ: trong vụ án Lê Thị Tâm phạm tội môi giới mại dâm xảy ra tại Phúc Thọ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố về tội danh này theo quy định tại Điều 255 BLHS. Khi đưa ra xét xử, về hình phạt chính áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử đã áp dụng chính xác khi tuyên phạt bị cáo Tâm mức án 12 tháng tù. Tuy nhiên, ở phần áp dụng hình phạt bổ sung, Hội đồng xét xử đã buộc bị cáo Tâm phải chịu hình phạt tiền là 500.000 đồng. Điều này đã vi phạm quy định về mức thấp nhất của hình phạt tiền đối với người phạm tội là không dưới 1 triệu đồng.

Thứ ba, trong quá trình áp dụng hình phạt khi xét xử vụ án hình sự Tòa án nhân dân đã không áp dụng đúng quy định của Bộ luật về áp dụng hình phạt trong

trường hợp đồng phạm, đã không phân hóa được trách nhiệm hình sự trong trường hợp này. Ví dụ: Do có mâu thuẫn với ông Trần Văn Tiến (trú tại thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội) trong việc thu mua phế liệu ở huyện Phúc Thọ, Hoa Anh Tuấn kể lại sự việc và nhờ Nguyễn Trọng Quyết (là anh họ của vợ Tuấn) đánh dẫn mặt ông Tiến. Quyết đồng ý và bảo Tuấn chỉ nhà, mô tả đặc điểm của ông Tiến. Sau đó Quyết nhờ Ngô Sỹ Cường, Đỗ Khắc Uyên theo dõi để đánh ông Tiến. Quyết chở Uyên, Cường đến trước cửa nhà ông Tiến chỉ nhà, tả đặc điểm của ông Tiến cho Uyên, Cường biết và dặn Uyên, Cường đợi ông Tiến về đến cửa nhà, xác định đúng ông Tiến thì chém.

Đến khoảng 18 giờ ngày 22-10-2015, Cường chở Uyên đến đứng chờ ở gần nhà ông Tiến, khi đi Uyên mang theo 01 con dao tông dài khoảng 50cm. Khi ông Tiến đi xe máy về đến cửa nhà thì Uyên cầm dao xông đến chém nhiều nhát vào ông Tiến rồi lên xe máy của Cường đang đợi sẵn bỏ chạy. Ông Tiến bị thương và được gia đình đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện Phúc Thọ. Hậu quả ông Tiến bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 41%.

Đối với Hoa Anh Tuấn, Tòa án cấp sơ thẩm kết án 36 tháng tù về tội "Có ý gây thương tích". Tòa án cấp sơ thẩm đã cho Hoa Anh Tuấn được hưởng án treo.

Trong vụ án này, Hoa Anh Tuấn mặc dù không phải là kẻ trực tiếp đánh, gây thương tích cho ông Tiến nhưng Tuấn là người chủ mưu, khởi xướng, tổ chức: chỉ nhà, chỉ mặt ông Tiến để các đồng phạm đánh và gây thương tích cho ông Tiến. Như vậy, Tuấn có vai trò phạm tội cao hơn các bị cáo khác và phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Hoa Anh Tuấn 36 tháng tù đã là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài ra, việc bị cáo tổ chức cho đồng bọn vô cớ đánh ông Tiến còn là hành vi phạm tội có tính chất côn đồ. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là thiếu sót. Tòa án cấp sơ thẩm lại cho bị cáo hưởng án treo là đánh giá không đúng tính chất nghiêm trọng của vụ án, áp dụng không đúng quy định của Bộ luật hình sự về chế định án treo và trái với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ - HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng

thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo.

Ví dụ 2: Sáng ngày 22-10-2014, Chu Thị Bích Ngọc là chủ nhà nghỉ Hương Ngọc Thảo đã nhờ Phạm Văn Đức trông hộ nhà nghỉ và còn dặn Đức "nếu có khách đến thuê phòng thì thu tiền...và nếu khách có nhu cầu mua dâm thì thu mỗi khách 200.000 đồng và bảo Đỗ Văn Dũng đến quán cafe đón gái mại dâm về phục vụ khách". Khoảng 13 giờ cùng ngày, do có khách yêu cầu nên Đức đã bảo Dũng đi đón hai gái bán dâm về nhà nghỉ để phục vụ khác; khoảng 13 giờ 10 phút, Đức lại gọi điện đến quán cafe do Lê Văn Hùng làm chủ để yêu cầu 03 gái bán dâm đến nhà nghỉ để phục vụ khách. Đến 14 giờ 15 phút cùng ngày, Công an đã bắt quả tang 05 đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại nhà nghỉ nêu trên.

Trong vụ án này, Chu Thị Bích Ngọc bị kết án 36 tháng tù, Phạm Văn Đức bị kết án 60 tháng tù về tội "Chứa mại dâm" và 02 bị cáo khác.

Chu Thị Bích Ngọc là đầu vụ, Đức chỉ là người thực hành mà hình phạt 60 tháng tù. Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Ngọc thì mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm và tòa án cấp phúc thẩm áp dụng đối với Ngọc là quá nhẹ.

2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

Thứ nhất: Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực xét xử của một số Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác xét xử.

Chủ thể áp dụng pháp luật hình sự nói chung và áp dụng hình phạt nói riêng tại Tòa án là Hội đồng xét xử tiến hành hoạt động áp dụng hình phạt tại phiên tòa. Vì vậy chất lượng áp dụng hình phạt phụ thuộc rất lớn vào trình độ năng lực áp dụng hình phạt của mỗi thành viên Hội đồng xét xử.

Công tác nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị xét xử chưa tốt, chưa phát hiện được những điểm mâu thuẫn và không thống nhất giữa các tình tiết của vụ án, cũng như các thiếu sót về mặt tố tụng trong quá trình điều tra, còn phụ thuộc vào kết luận của cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, chưa chủ động làm sáng tỏ các tình tiết của vụ

án tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử không nắm vững các dấu hiệu pháp lý cấu thành tội phạm cụ thể của từng loại tội danh, dẫn đến xác định sai tội danh đối với bị cáo. Hội đồng xét xử đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, suy diễn chủ quan nên không xác định được sự thật khách quan của vụ án. Hội đồng xét xử không đánh giá đúng vai trò đồng phạm của từng bị cáo hoặc xác định có hay không có việc đồng phạm dẫn đến xác định tội danh sai trong vụ án có nhiều bị cáo. Hội đồng xét xử không kịp thời cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan nên dẫn đến xác định sai tội danh đối với bị cáo.

Thứ hai: Cơ quan điều tra điều tra không đầy đủ các tình tiết của vụ án hoặc các cơ quan giám định không giám định chính xác, dẫn đến rất khó khăn cho Hội đồng xét xử trong việc xác định tội danh cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo, có nhiều tình tiết không thể xác định tại phiên tòa. Thực tế nhiều vụ án sai lầm trong việc áp dụng pháp luật hình sự nói chung và áp dụng hình phạt nói riêng là do cơ quan điều tra đã điều tra thiếu khách quan, toàn diện vụ án, bỏ qua nhiều tình tiết quan trọng của vụ án, mặc dù được yêu cầu bổ sung nhiều lần nhưng vẫn không được điều tra làm rõ các tình tiết cụ thể của vụ án. Mặc dù xét xử độc lập nhưng việc áp dụng hình phạt được chính xác hay không phụ thuộc rất lớn vào kết quả điều tra vụ án của cơ quan điều tra. Bên cạnh việc cần phải có kết quả điều tra khách quan, toàn diện đối với vụ án thì kết quả giám định là chứng cứ quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định tội danh, khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Vì vậy kết quả giám định khách quan chính xác có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc giải quyết vụ án.

Thứ ba: Các cơ quan tiến hành tố tụng còn thiếu cương quyết trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, có thể do nể nang, ngại va chạm, bị ảnh hưởng của người có chức vụ, quyền hạn hoặc do tác động tiêu cực nên các cơ quan tiến hành tố tụng đã bỏ lọt người phạm tội hoặc bỏ bớt các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của người phạm tội; áp dụng hình phạt nhẹ không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhất là các vụ án xâm phạm trật tự công cộng, không có bị hại

cụ thể.

Thứ tư: Chế độ đãi ngộ và tuyển chọn, sử dụng Thẩm phán còn nhiều bất cập. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ xét xử còn nhiều thiếu thốn. Mặc dù được Đảng, Nhà nước quan tâm về nhiều mặt hơn so với trước đây như chế độ tiền lương, phụ cấp ngành, thâm niên phần nào đã bớt khó khăn, cải thiện được đời sống của đội ngũ Thẩm phán. Tuy nhiên, trong đời sống hiện nay nếu cộng cả lương và các loại phụ cấp thì vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu và sinh hoạt trung bình cho bản thân Thẩm phán và gia đình, đặc biệt là các Thẩm phán trẻ. Dù yêu ngành, yêu nghề, nhưng có không ít Thẩm phán đã xin thôi việc để làm công việc khác như công chứng viên, luật sư. Không ít Thẩm phán còn đương chức nhưng mãi lo làm việc khác để đảm bảo cuộc sống gia đình, chưa đầu tư thời gian để nghiên cứu kỹ các văn bản pháp luật, để áp dụng hình phạt được chuẩn xác.

Lao động của Thẩm phán là lao động đặc thù, chịu nhiều áp lực, đòi hỏi phải có trí tuệ, bản lĩnh, chuyên môn nghiệp vụ cao. Cần phải có mức lương tương xứng với lao động đặc thù của Thẩm phán.

Tuy đã có nhiều cố gắng nhưng tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước còn cồng kềnh, hoạt động kém hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và mong muốn của nhân dân trong đó có ngành Tòa án. Nếu theo tiêu chuẩn của Pháp lệnh Thẩm phán thì có hơn 90% công chức chuyên môn trong ngành Tòa án có đủ điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán. Tiêu chuẩn chủ yếu là có bằng Đại học luật, có chứng chỉ đã qua lớp đào tạo nghiệp vụ xét xử của Học viện tư pháp (nay là Học viện Tòa án) và thâm niên công tác tùy theo ngạch Thẩm phán cấp nào. Điều quan trọng nhất là năng lực thực tiễn và hiệu quả công tác lại chưa được chú trọng đúng mức. Vì nhiều lý do mà vẫn còn hiện tượng người được lựa chọn làm Thẩm phán, thậm chí là Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa chuyên trách không phải là những người xuất sắc về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực xét xử vượt trội hơn những người khác, tạo tâm lý bất mãn, tiêu cực đối với những người có năng lực trình độ thật sự không được tuyển chọn đề bạt kịp thời, chưa tạo được không khí thi đua học tập, nghiên cứu, trau dồi

chuyên môn nghiệp vụ để được đề bạt bổ nhiệm.

Mức lương của Thẩm phán không căn cứ vào hiệu quả công tác, chất lượng, số lượng các vụ án đã giải quyết. Bản án chính là sản phẩm của Hội đồng xét xử, của Thẩm phán, thể hiện trí tuệ, đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán, không phải là thước đo để trả lương cho Thẩm phán. Tuy nhiên nếu tỷ lệ án bị hủy, cải sửa lớn do lỗi chủ quan của Thẩm phán có thể Thẩm phán không được tái nhiệm, điều này dẫn đến tình trạng vừa thừa, vừa thiếu Thẩm phán và thiếu công bằng đối với các Thẩm phán. Nếu số Thẩm phán nhiều hơn nhu cầu thực tế thì ngân sách trả lương bị chia nhỏ, khó nâng cao được đời sống của Thẩm phán. Nếu số Thẩm phán ít hơn nhu cầu thực tế tạo áp lực quá lớn có thể Thẩm phán sẽ không xét xử kịp thời các vụ án. Thẩm phán xét xử tốt, nhiều vụ án có thể lương thấp hơn Thẩm phán xét xử số vụ án ít hơn, thậm chí chất lượng thấp hơn nhưng có thâm niên cao hơn. Đây là bất cập rất lớn, gây trì trệ trong hoạt động của bộ máy nhà nước, trong đó có Tòa án.

Việc cấp kinh phí của TANDTC cho các Tòa án địa phương cũng còn nhiều bất cập. Kinh phí cấp theo biên chế chứ không phải theo số vụ án. Tòa án nào nhiều người thì nhiều kinh phí, Tòa án nào ít người thì ít kinh phí mặc dù có thể số lượng án họ giải quyết nhiều hơn, tốt hơn.

Chưa có cơ chế tuyển chọn, đào thải nghiêm khắc đối với Thẩm phán. Một mặt vừa có chính sách động viên, đãi ngộ thỏa đáng, vừa phải tạo áp lực để Thẩm phán phải luôn cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Những Thẩm phán xử oan người vô tội, xử sai tội danh chứng tỏ trình độ, năng lực xét xử án hình sự của Thẩm phán rất hạn chế nhưng vẫn tiếp tục xét xử án hình sự, làm khả năng mắc sai lầm trong việc áp dụng hình phạt hình sự cao hơn.

Chưa xây dựng được đội ngũ Thẩm phán có chuyên môn hóa cao. Do điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam còn thấp, ít tài sản để tranh chấp, hiệu quả thi hành án dân sự không cao... nên các loại án dân sự, thương mại, kinh tế, lao động, hành chính, ít hơn án hình sự. Dù có tòa chuyên trách từ cấp tỉnh trở lên, nhưng các tòa chuyên trách khác quá ít án nên các Thẩm phán của tòa dân sự, kinh tế, hành chính, lao động vẫn tham gia xét xử án hình sự. Tòa án cấp huyện thì Thẩm phán

phải xử nhiều loại án. Mục đích chuyên môn hóa gần như không đạt được. Dù đều là Thẩm phán được đào tạo như nhau, nhưng đang xét xử ở một lĩnh vực khác khi sang xét xử án hình sự họ cần phải có thời gian để nghiên cứu về pháp luật hình sự, kỹ năng xét xử án hình sự dẫn đến có những lúng túng, thậm chí sai lầm trong việc áp dụng hình phạt.

Thẩm phán độc lập trong xét xử và chỉ tuân theo pháp luật là nguyên tắc hiến định. Tuy nhiên do nhận thức chưa đầy đủ nên một số cán bộ lãnh đạo Đảng và chính quyền địa phương vẫn có ý kiến can thiệp vào các vụ án cụ thể, dẫn tới sai lầm trong việc áp dụng hình phạt. Mặt khác do năng lực chuyên môn hạn chế, một số Thẩm phán ý lại tập thể cán bộ cơ quan Tòa án hoặc xin ý kiến Tòa án cấp trên. Lẽ ra chỉ là ý kiến tham khảo, nhưng không ít Thẩm phán đã mặc nhiên xem ý kiến của tập thể của cấp trên là ý kiến quyết định đối với vụ án. Phiên tòa chỉ là hợp pháp hóa ý kiến của tập thể hoặc cấp trên. Khi ra phiên tòa Hội đồng xét xử đã không chủ động đấu tranh làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án, bám sát các diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, lúng túng trước các tình tiết mới tại phiên tòa. Dẫn đến tình trạng án bỏ túi như báo chí đã lên án.

Thứ năm: Hệ thống pháp luật là cơ sở pháp lý cho hoạt động áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng hình phạt của Tòa án nói riêng chưa hoàn thiện, là nguyên nhân khách quan hạn chế chất lượng áp dụng hình phạt của Tòa án. BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 được xem là bước tiến vượt bậc trong kỹ thuật lập pháp ở nước ta, tuy nhiên vẫn còn nhiều quy định chưa cụ thể, chỉ mang nguyên tắc chung rất dễ dẫn đến cách hiểu và vận dụng khác nhau. Dù có nhiều cố gắng nhưng nhà làm luật đã không dự liệu hết các tình huống trong thực tiễn, để khái quát hóa được các dấu hiệu pháp lý cấu thành các tội danh cụ thể. Có những hành vi nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện một cách cố ý, nhưng không có quy định của pháp luật điều chỉnh. Còn những lỗi hổng trong sự điều chỉnh pháp luật hoặc do điều kiện kinh tế xã hội phát triển mà một số hành vi không còn thực sự nguy hiểm cho xã hội nữa nhưng pháp luật vẫn không thay đổi kịp thời dẫn đến lạc hậu so với thực tiễn.

Theo quy định của Hiến pháp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan có quyền giải thích luật và pháp lệnh, song thực tế, Ủy ban hầu như chưa thực hiện được nhiệm vụ, quyền hạn mang tính "*Hiến định*" này, bởi luôn phải "*quá tải*" trong công tác xây dựng pháp luật, cũng như trong việc ban hành pháp lệnh theo sự ủy quyền của Quốc hội. Chính vì vậy, mọi vướng mắc trong việc ADPL đều dựa vào văn bản hướng dẫn ADPL của các cơ quan tư pháp ở trung ương. Hình thức văn bản chủ yếu là các thông tư liên tịch, nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Trên thực tế thì các văn bản hướng dẫn áp dụng hình phạt của các cơ quan tư pháp ở trung ương chưa kịp thời, thậm chí còn mâu thuẫn với luật, dẫn đến nhiều khó khăn, lúng túng cho hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án địa phương. Nguyên nhân chủ yếu của hạn chế này là do TANDTC chưa nghiên cứu, tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn kịp thời các vướng mắc trong quá trình áp dụng hình phạt của Tòa án các cấp.

BLTTHS năm 2003 cũng như BLTTHS năm 2015 vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng còn chông chéo, chưa cụ thể, chưa rõ ràng, dẫn đến cách hiểu và áp dụng cùng một điều luật có nhiều khác nhau giữa những người tiến hành tố tụng; chưa đưa tranh tụng thành một nguyên tắc trong BLTTHS; chưa đưa vào nguyên tắc bình đẳng giữa bị cáo, luật sư với kiểm sát viên duy trì quyền công tố; một số điều luật còn gây hiểu nhầm lẫn về thẩm quyền..., cần sớm được khắc phục để hạn chế vi phạm nghiêm trọng về tố tụng cũng như tạo thuận lợi cho các chủ thể ADPL áp dụng chính xác các quy định của pháp luật trong thực tiễn.

Thứ sáu: Cần tạo điều kiện thuận lợi để mọi chủ thể có thể giám sát hoạt động xét xử của Tòa án. Một trong những nguyên nhân mà các cơ quan thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động không mấy hiệu quả là do các đối tượng bị thanh tra, kiểm tra biết rõ người sẽ thanh tra, kiểm tra mình nên tìm mọi cách để vô hiệu hóa hoạt động thanh tra, kiểm tra. Vì vậy cần phải có nhiều chủ thể cùng tham gia giám sát một đối tượng, việc kiểm tra, giám sát sẽ hiệu quả hơn. Về nguyên tắc, Tòa án

xét xử công khai, mọi người dân, cơ quan truyền thông báo chí...đều có quyền tham dự phiên tòa. Tuy nhiên trong thực tế thì hoạt động giám sát công tác áp dụng hình phạt của Tòa án chủ yếu do Viện kiểm sát vừa thực hiện chức năng công tố vừa thực hiện công tác giám sát hoạt động tư pháp. Bên cạnh mặt tích cực, các kiểm sát viên là những người có chuyên môn nên có điều kiện để giám sát sâu hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án nhưng Viện kiểm sát lại là cơ quan truy tố, chủ thể trực tiếp áp dụng hình phạt lại tiến hành kiểm sát việc áp dụng hình phạt dẫn đến không khách quan trong hoạt động giám sát việc áp dụng pháp luật của Tòa án.

Hoạt động giám sát công tác xét xử của cơ quan dân cử và các tổ chức chính trị xã hội chưa thật sự hiệu quả. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp chủ yếu nghe báo cáo của Tòa án tại các kỳ họp, chất vấn một số vụ án dư luận quan tâm... Do trình độ hiểu biết pháp luật của đại biểu hoặc do bận các công tác khác nên chưa chú trọng nhiều đến giám sát hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án.

Giám sát hoạt động xét xử của Tòa án từ phía người dân: nếu không phải là người tham gia tố tụng thì người dân thường chỉ tham dự hoặc quan tâm tới những phiên tòa xét xử các vụ án có dư luận lớn hoặc liên quan đến người thân quen. Người dân là chủ thể quan trọng giám sát hoạt động xét xử của Tòa án, là lực lượng đông đảo có thể phát hiện được các sai sót, tiêu cực trong hoạt động xét xử của Tòa án. Vì vậy cần phải đưa bản án của Tòa án lên mạng internet để người dân có điều kiện thuận lợi trong việc giám sát hoạt động xét xử của Tòa án, đồng thời giúp Tòa án thận trọng, khách quan hơn trong việc xét xử.

Kết luận chương 2

Nghiên cứu chương 2 của luận văn với tên gọi “Thực trạng áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân trên địa bàn huyện Phúc Thọ thành phố Hà Nội” có thể rút ra các kết luận như sau:

Một là, huyện Phúc Thọ là một huyện ngoại thành của Thủ đô Hà Nội, với cơ cấu kinh tế và sự thay đổi cơ cấu kinh tế xã hội nhanh chóng trong những năm vừa qua. Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ với biên chế mạnh, chất lượng cán bộ,

công chức khá tốt, đồng đều đã thực hiện tốt những nhiệm vụ chính trị, xã hội trên địa bàn. Trong những năm vừa qua Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thực hiện tốt nhiệm vụ công tác nói chung trong đó có nhiệm vụ xét xử nói riêng.

Hai là, kết quả áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ trong các vụ án hình sự qua các năm từ năm 2012 đến năm 2016 đã thể hiện chất lượng công tác tốt, có nhiều tiến bộ qua các năm. Cơ cấu áp dụng hình phạt cho thấy, các vụ án hình sự đã xét xử tại địa bàn huyện Phúc Thọ đa số áp dụng các hình phạt ở mức dưới 3 năm, hình phạt tiền. Các hình phạt từ 7 đến 15 năm áp dụng hạn chế. Điều này có thể hiểu là do đây là tòa án cấp huyện, bị giới hạn về loại án được xét xử. Tuy nhiên cũng có thể hiểu là cơ cấu loại tội phạm bị đưa xét xử trên địa bàn đa số là các tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng.

Bà là, nghiên cứu thực trạng áp dụng hình phạt trên địa bàn huyện Phúc Thọ cho thấy bên cạnh các kết quả đạt được thì còn rất nhiều hạn chế, tồn tại của hoạt động này. Ví dụ như cơ cấu hình phạt còn chưa thực sự hợp lý, tỉ lệ án treo tuyên nhiều, tỉ lệ hình phạt tù có thời hạn tuyên áp dụng nhiều, các hình phạt không tước tự do còn hạn chế áp dụng. Các hoạt động này xuất phát từ những nguyên nhân khác nhau, mà cần phải được thực hiện nhằm đảm bảo yêu cầu đặt ra.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG HÌNH PHẠT ĐÚNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

3.1. Các quan điểm về bảo đảm áp dụng hình phạt đúng trong xét xử hình sự

Nhà nước pháp quyền là nhà nước có khả năng cao nhất trong việc bảo vệ, bảo đảm các quyền con người. Bảo vệ các quyền con người, bảo vệ công lý và cuộc sống bình yên cho xã hội không thể thiếu được hoạt động của các cơ quan tư pháp, trong đó có Tòa án. Bảo đảm chất lượng áp dụng hình phạt của Tòa án là một đòi hỏi cấp thiết trong xây dựng nhà nước pháp quyền, hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay. Yêu cầu đó cũng xuất phát từ việc bảo vệ, bảo đảm các quyền con người, một trong những tiêu chí đánh giá, nhận diện nhà nước pháp quyền.

- Bảo đảm chất lượng hoạt động xét xử hình sự của TAND để đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, của dân do dân và vì dân.

Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là một mục tiêu lớn, luôn được Đảng ta khẳng định trong các văn kiện đại hội Đảng, đã và đang từng bước triển khai thực hiện sâu rộng trong đời sống xã hội.

Đường lối xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: "Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị, là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân" [12, tr.131-132].

Xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay là một đòi hỏi cấp thiết, phù hợp với những điều kiện phát triển khách quan của đất nước và xu thế chung của thời đại. Sự nghiệp này xuất phát từ hàng loạt các yêu cầu khách quan của đất nước. Các quan hệ xã hội ngày càng đa dạng và phức tạp, hội nhập và toàn cầu hóa đang đặt ra cho chúng ta nhiều cơ hội và

thách thức. Những cung cách quản lý, điều hành xã hội của cơ chế hành chính, tập trung hóa, bao cấp trước đây không còn phù hợp. Để đủ sức quản lý xã hội trong bối cảnh mới, phải cải cách sâu sắc và toàn diện mọi mặt đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, nhà nước và pháp luật. Xây dựng nhà nước pháp quyền sẽ đáp ứng được những yêu cầu đó.

Theo GS.TS Hoàng Thị Kim Quế, trong bài viết "Nhận diện nhà nước pháp quyền", tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 4/2004, có viết: Nhận diện từ góc độ tổng thể, nhà nước pháp quyền là kiểu tổ chức xã hội ở trình độ cao và tính pháp quyền trong mọi lĩnh vực quan hệ xã hội. Tính pháp quyền ở đây có nội dung cơ bản là sự ngự trị của một nền pháp luật đáp ứng các yêu cầu công bằng, nhân đạo, dân chủ, minh bạch, phù hợp đạo đức và tất cả vì con người. Để có thể thực hiện một cách tốt nhất mục tiêu cao cả đó, cần phải có một nhà nước có năng lực, hiệu quả và một xã hội công dân lành mạnh, phát triển. Trong nhà nước pháp quyền, tư pháp có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng bởi nơi đó là sự thể hiện rõ nét nhất nền công lý và sự bình đẳng trước pháp luật. Nền tư pháp xã hội chủ nghĩa của chúng ta phải thực sự vì dân, xứng đáng với sự tin cậy của người dân gửi gắm việc giải quyết những vấn đề thiết thực của mình về tài sản, danh dự, nhân phẩm cho các cơ quan đại diện cho công lý [38].

Bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bảo đảm để không có oan, sai trong các khâu điều tra, truy tố và xét xử đã trở thành một trong những yêu cầu quan trọng của việc cải cách hệ thống tư pháp nước ta. Cải cách tư pháp có nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng, vận hành một nền tư pháp giữ gìn công lý, công bằng xã hội, tính khách quan, độc lập chỉ tuân theo pháp luật, thực hiện lời dạy quý giá của Chủ tịch Hồ Chí Minh: nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp cũng như mọi vấn đề khác, là vấn đề ở đời và làm người, và: các phán quyết của Tòa án phải "thấu tình đạt lý".

Nhà nước pháp quyền XHCN với một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và mang tính khả thi cao, với ý thức thượng tôn pháp luật của tất cả các thành viên trong xã hội; với một bộ máy nhà nước tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả; quản

lý xã hội bằng pháp luật kết hợp với các quy phạm xã hội khác (phong tục, tập quán, quy tắc tôn giáo...) nhằm đạt hiệu quả quản lý cao nhất; với một đội ngũ cán bộ công chức tận tụy vì dân, có trách nhiệm cao với đời sống của nhân dân sẽ là những tiền đề lý tưởng cho việc nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp, trong đó có chất lượng áp dụng hình phạt của TAND.

Áp dụng pháp luật hình sự của Tòa án phải thấu suốt quan điểm vì dân, vì quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; không ngừng mở rộng và bảo đảm tính dân chủ trong hoạt động tư pháp. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp phải thể hiện ngày càng đậm nét tính nhân dân sâu sắc. Các cơ quan nhà nước nói chung và cơ quan tư pháp, trong đó có cơ quan TAND, được hình thành từ việc thực hiện nguyên tắc Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Do đó, trong hoạt động thực thi chức năng nhiệm vụ được giao, cơ quan Tòa án và các cơ quan tư pháp phải luôn mở rộng và nâng cao tính dân chủ đúng theo đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Mọi biểu hiện xa rời nhân dân; không chăm lo bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của công dân, quay lưng lại với nỗi lo lắng và sự đau khổ của nhân dân... đều xa lạ với bản chất Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân.

Nhà nước pháp quyền XHCN thống nhất về quyền lực nhà nước, có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong bộ máy nhà nước ta, TAND có vị trí quan trọng. Đây là cơ sở pháp lý để xác định vị trí quan trọng của TAND trong hệ thống các cơ quan tư pháp. Vị trí này xuất phát từ "tính hệ thống và tính chỉnh thể của hệ thống tư pháp bản thân chúng đã cho thấy rõ vai trò trung tâm của Tòa án (khâu xét xử) trong hệ thống tư pháp". Tòa án là cơ quan nhân danh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thực hiện chức năng xét xử nhằm bảo vệ công lý, công bằng xã hội, có vai trò đặc biệt trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền. Việc áp dụng pháp luật chính xác pháp luật hình sự của Tòa án góp phần quan trọng trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của công dân, tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị,

trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Vì vậy các thủ tục tố tụng tại phiên tòa hình sự phải hết sức dân chủ, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho công dân tham gia tranh tụng, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của mình cũng như giám sát hoạt động xét xử của Tòa án. Mặt khác, phải tiếp tục xây dựng tuyển chọn đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thật sự có năng lực, đạo đức nghề nghiệp nhằm đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh oan sai. Để người dân có thể đặt niềm tin vào Tòa án, tin tưởng rằng tính mạng, tài sản, danh dự nhân phẩm của họ luôn được bảo vệ bởi Nhà nước và pháp luật XHCN. Nhà nước pháp quyền là nhà nước có khả năng bảo đảm và bảo vệ người dân trước hành vi xâm hại trái pháp luật của các cá nhân, tổ chức khác cũng như từ chính các cơ quan tiến hành tố tụng. Phán quyết của Tòa án phải đáp ứng được yêu cầu này, đặc biệt đối với các vụ án hình sự.

- Bảo đảm chất lượng hoạt động áp dụng hình phạt của TAND để đáp ứng yêu cầu xây dựng cải cách tư pháp, bảo vệ các quyền con người, hội nhập quốc tế

Nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động tư pháp và yêu cầu cấp thiết phải cải cách tư pháp trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết về cải cách tư pháp, như nghị quyết 08 NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị đã nêu rõ: ...Khi xét xử Tòa án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật; thực sự dân chủ, khách quan; Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn luật định.

Mục tiêu của chiến lược cải cách tư pháp ở nước ta đến năm 2020 đã được chỉ ra trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị là: "Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu

quả và hiệu lực cao".

Các nghị quyết này là cơ sở cho việc từng bước đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp. Quán triệt các nghị quyết này, Nhà nước đã có nhiều hoạt động cụ thể thực hiện chủ trương, cải cách tư pháp của Đảng. Đó là việc sửa đổi bổ sung, ban hành mới nhiều văn bản pháp luật nhằm kiện toàn và đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan tư pháp. Tuy nhiên so với yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, hội nhập quốc tế, thì những chuyển biến của các cơ quan tư pháp là chậm, chưa đồng bộ so với đổi mới lập pháp và cải cách hành chính, chưa theo kịp tốc độ phát triển kinh tế- xã hội, chưa đáp ứng được đòi hỏi của nhân dân. Vẫn còn tình trạng bắt giam, truy tố, xét xử oan sai, bỏ lọt người phạm tội..., tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng về số vụ và tính chất mức độ phạm tội.

Trong hệ thống các cơ quan tư pháp Việt Nam, Tòa án được xác định là trung tâm, xét xử là trọng tâm của nền tư pháp và việc nâng cao chất lượng hoạt động xét xử của Tòa án được coi là khâu đột phá của quá trình cải cách tư pháp. Tòa án là nơi thể hiện rõ nhất nguyên tắc dân chủ và bình đẳng. Bản án là kết quả của quá trình tố tụng từ điều tra cho đến truy tố, xét xử. Đòi hỏi hoạt động ADPL của Tòa án phải chính xác, khách quan, xét xử phải đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, góp phần duy trì trật tự xã hội, thu hút đầu tư, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

- Xuất phát từ yêu cầu đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, vì sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước.

Bên cạnh những thành tựu to lớn, hội nhập quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường mang nhiều hậu quả tiêu cực, làm gia tăng tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm. Đặc biệt trong điều kiện mặt bằng dân trí và trình độ hiểu biết pháp luật của đại bộ phận dân cư chưa cao, những tác động này càng dễ phát triển và lây lan trên diện rộng. Đó là lối sống thực dụng, xa lạ với nền văn hóa, phong tục tập quán và những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Một

bộ phận không nhỏ trong số đó luôn coi giá trị đồng tiền là trên hết, vì đồng tiền họ sẵn sàng chà đạp lên tất cả, sẵn sàng làm bất cứ việc gì, miễn là kiếm được tiền kể cả phạm tội, như: Buôn bán ma túy, trộm cắp, cướp giật, lừa đảo..., thậm chí chém, giết thuê. Trong khi đó, công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự chưa đáp ứng được yêu cầu, còn bị động, đối phó, nhất là trong giải quyết các vấn đề phức tạp và bức xúc của xã hội mới nảy sinh. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm còn yếu, chưa phát huy được sức mạnh của toàn xã hội tham gia vào hoạt động này.

Nước ta đang trong quá trình chuyển đổi, thực hiện những bước đi đầu tiên của phát triển kinh tế thị trường, đa dạng các hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế cùng cạnh tranh phát triển. Pháp luật về lĩnh vực quản lý xã hội, quản lý an ninh trật tự còn chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và có nhiều sơ hở đã tác động xấu đến ý thức chấp hành pháp luật, đến nếp sống tự do vô kỷ luật của một bộ phận dân cư.

Bối cảnh và thực trạng trên cho thấy, để bảo đảm và duy trì an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giải quyết mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích của cá nhân và cộng đồng, giữa các cá nhân với nhau, đấu tranh phòng chống tội phạm có hiệu quả đòi hỏi hoạt động tư pháp nói chung, hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án nói riêng phải ngang tầm với nhiệm vụ mà xã hội đang đặt ra.

3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng hình phạt đúng trong xét xử hình sự

3.2.1. Các giải pháp về hoàn thiện pháp luật

Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã được ban hành, tuy nhiên do những hoàn cảnh nhất định mà hiện nay chưa có hiệu lực thi hành, bên cạnh đó, trong quá trình nghiên cứu vẫn nhận thấy có những điểm hạn chế bất cập của hai văn bản này cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, để từ đó hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án các cấp được thuận lợi.

Việc định lượng bằng số tiền cụ thể đối với một số tội về chiếm đoạt tài sản, như trộm cắp, hủy hoại, lừa đảo, lạm dụng, đưa hối lộ... trong BLHS có mặt tích cực là thuận lợi cho việc áp dụng hình phạt của cơ quan tiến hành tố tụng xác định tội danh. Nhưng tiền Việt Nam thường xuyên mất giá, mà BLHS lại không được

điều chỉnh kịp thời dẫn đến giá trị tài sản thực tế chỉ đáng xử lý hành chính thì lại phải xử lý hình sự hoặc khung hình phạt thấp thì lại phải chịu tình tiết định khung cao hơn. Vì vậy nên định lượng mức tiền tương đương với bao nhiêu tháng lương tối thiểu, vì mức lương tối thiểu thường xuyên được điều chỉnh hàng năm tùy theo mức độ trượt giá của đồng tiền.

Về hình phạt thì hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 31 BLHS: "Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng do bộ luật này quy định đang có nơi làm việc ổn định hoặc nơi cư trú rõ ràng ...bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước...". Thực tế Tòa án ít khi áp dụng hình phạt này và cơ quan thi hành án khó thi hành vì khó xác định được thu nhập thường xuyên của người bị kết án. Hiệu quả của hình phạt này không cao và không phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội hiện nay của Việt Nam, cần sớm sửa đổi hoặc hủy bỏ loại hình phạt này.

Đối với hình phạt tiền, Căn cứ vào Bộ luật hình sự có ý kiến cho rằng BLHS quy định hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với tất cả các tội ít nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính. Còn một số tội khác, có thể không thuộc các nhóm tội phạm trên, hoặc là những tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng thì phải được Bộ luật hình sự quy định hình phạt tiền mới được phép áp dụng hình phạt tiền. Tương tự như vậy đối với hình phạt bổ sung. Theo chúng tôi, ý kiến trên chưa chính xác, không thể hiện được thực chất giới hạn phạm vi áp dụng hình phạt tiền. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nước ta từ trước đến nay đã xác nhận chỉ trong trường hợp điều luật cụ thể phần các tội phạm của BLHS có quy định hình phạt tiền đối với tội phạm cụ thể nào đó thì Tòa án mới được quyết định hình phạt tiền (kể cả với tính cách là hình phạt chính và với tính cách là hình phạt bổ sung). Bởi vậy, để tránh những cách hiểu và vận dụng khác nhau chúng tôi cho rằng BLHS cần được sửa đổi theo hướng khẳng định rõ là hình phạt chỉ có thể được áp dụng hình phạt chính

hoặc hình phạt bổ sung đối với người phạm tội trong những trường hợp điều luật cụ thể trong các phần các tội phạm của BLHS có quy định hình phạt trên.

3.2.2. Các giải pháp cụ thể về tăng cường chất lượng áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân

3.2.2.1. Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, nâng cao ý thức chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ năng lực chuyên môn của Thẩm phán

Để bảo đảm chất lượng của hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án, việc đổi mới công tác tổ chức cán bộ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bởi suy cho cùng công tác cán bộ là yếu tố con người - chủ thể trực tiếp áp dụng hình phạt. Sinh thời chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém".

Chủ thể trực tiếp áp dụng hình phạt hình sự của TAND là Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm 01 Thẩm phán và 02 Hội thẩm hoặc 02 Thẩm phán và 03 Hội thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm là 03 Thẩm phán. Dù là xử sơ thẩm hay phúc thẩm thì Thẩm phán đều là chủ tọa phiên tòa, trực tiếp xét xử và điều hành phiên tòa, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng áp dụng hình phạt của Tòa án.

+ Trình độ năng lực của Thẩm phán là yếu tố trực tiếp quyết định đến chất lượng áp dụng hình phạt hình sự của Tòa án

Vì vậy cần phải tập trung xây dựng đội ngũ Thẩm phán xét xử án hình sự có chuyên môn hóa cao, là những chuyên gia giỏi cả về lý luận và thực tiễn (có thể chuyên môn hóa theo nhóm tội danh của BLHS). Quá trình tuyển chọn này phải được sàng lọc và chứng minh từ thực tế xét xử, từ chất lượng các bản án hình sự đã xét xử, được sự đánh giá cao của đồng nghiệp, cấp trên và kể cả cơ quan tố tụng khác, Luật sư, Hội thẩm..., kịp thời phát hiện những công chức, Thẩm phán có năng khiếu, năng lực sở trường về xét xử án hình sự để giúp đỡ, bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu họ xét xử án hình sự.

Sớm hoàn thiện các quy định về tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán. Ngoài tiêu chuẩn theo quy định hiện hành cần phải kết hợp với đánh giá hiệu quả công

tác, năng lực thực tiễn. Để có được năng lực thực tiễn thì ngoài bằng cấp, chứng chỉ nghề (lý thuyết) thì đòi hỏi người muốn làm thẩm phán phải nỗ lực rất lớn trong quá trình công tác hàng ngày để tích lũy những tri thức cần phải có của người Thẩm phán, như kỹ năng xét xử, kinh nghiệm ADPL, hiểu biết xã hội, am hiểu tâm lý, văn hóa... Trước khi bổ nhiệm hoặc tái bổ nhiệm cán bộ chức thi tuyển nghiệp vụ xét xử hoặc 05 năm 01 lần tổ chức thi sát hạch với toàn thể đội ngũ Thẩm phán để sàng lọc những Thẩm phán trình độ chuyên môn nghiệp vụ kém. Việc thi tuyển hoặc thi sát hạch phải hết sức khách quan, công bằng, thông qua việc xử lý các tình huống cụ thể mà quá trình xét xử đòi hỏi người Thẩm phán phải giải quyết.

Nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ Thẩm phán. Có chính sách khuyến khích Thẩm phán tích cực học tập để nâng cao trình độ của mình, đáp ứng với nhiệm vụ được giao. Kịp thời cập nhật các văn bản pháp luật chuyên ngành, văn bản pháp luật liên quan lên website của ngành để Thẩm phán, công chức thuận lợi tra cứu, cập nhật văn bản mới. Thường xuyên tổ chức tập huấn, hội thảo các chuyên đề về luật hình sự, luật tố tụng hình sự, kỹ năng nghiệp vụ xét xử án hình sự. Tổ chức các phiên tòa mẫu, yêu cầu các Thẩm phán khác dự và đóng góp ý kiến. Phiên tòa mẫu có thể do Thẩm phán có kinh nghiệm, nghiệp vụ và kỹ năng xét xử tốt thực hiện cho các Thẩm phán khác học tập, cũng có thể do Thẩm phán ít kinh nghiệm, nghiệp vụ và kỹ năng xét xử chưa tốt thực hiện để mọi người tham dự góp ý, rút kinh nghiệm.

Tổ chức phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời đối với những vụ án bị hủy, cải sửa lớn do lỗi chủ quan của Hội đồng xét xử. Tìm ra nguyên nhân dẫn đến bị hủy án để không vướng phải những lỗi ấy ở các vụ án tiếp theo.

Đối với Thẩm phán, ngoài trình độ chuyên môn nghiệp vụ cần có trình độ cử nhân chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị để có bản lĩnh chính trị vững vàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xét xử. Phần đầu 100% các Thẩm phán được học cử nhân hoặc cao cấp lý luận chính trị.

Trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đòi hỏi người Thẩm phán phải biết ngôn ngữ quốc tế (phổ biến nhất là tiếng Anh), để có thể tham khảo pháp

luật quốc tế, pháp luật và kinh nghiệm xét xử của các nước phát triển trên thế giới. Tham gia hội thảo quốc tế, xét xử những vụ án có yếu tố nước ngoài. Thuận lợi hơn trong việc sử dụng, khai thác các thông tin từ internet để phục vụ công tác xét xử.

+ Đãi ngộ thỏa đáng và sử dụng hợp lý đội ngũ Thẩm phán

Để có một bản án "thấu tình đạt lý" chúng ta yêu cầu người Thẩm phán phải hội tụ rất nhiều yếu tố để đáp ứng yêu cầu này. Khi xét xử họ phải chịu rất nhiều áp lực từ dư luận xã hội, từ những người tham gia tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng khác, từ những người thân quen, thậm chí từ những người có chức vụ quyền hạn, yêu cầu của pháp luật..., đòi hỏi người Thẩm phán phải có trí tuệ, bản lĩnh, đạo đức nghề nghiệp, khả năng phân tích, đánh giá, nhận định, lập luận sắc sảo, thuyết phục. Lao động của Thẩm phán là lao động đặc thù cần có chế độ đãi ngộ tương xứng, đủ nuôi sống bản thân và gia đình, vượt qua cám dỗ vật chất tiêu cực. Chỉ khi mức lương của Thẩm phán đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của bản thân và gia đình thì họ mới yên tâm công tác, đầu tư thời gian nghiên cứu pháp luật, nghiên cứu hồ sơ vụ án, hạn chế bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tiêu cực, vô tư, khách quan trong việc áp dụng hình phạt.

Bố trí biên chế Thẩm phán và công chức khác tương xứng với nhu cầu công việc để có điều kiện trả lương thỏa đáng với Thẩm phán, cần khắc phục tình trạng Thẩm phán phải xử quá hoặc không đủ chỉ tiêu trung bình quân số vụ án mỗi tháng đối với 01 Thẩm phán phải giải quyết (04 vụ/tháng). Sớm chuyển đổi chế độ tiền lương từ chế độ chức nghiệp sang chế độ việc làm đối với bộ máy nhà nước, trong đó có Thẩm phán. Thực hiện chế độ khen thưởng bằng vật chất tương xứng với hiệu quả công tác, chất lượng, số lượng các vụ án đã xét xử hàng năm. Xây dựng các danh hiệu như Thẩm phán nhân dân, Thẩm phán ưu tú... để xã hội tôn vinh những Thẩm phán mẫu mực.

Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ và năng lực thực tế của từng Thẩm phán. Việc sắp xếp, bố trí, phân công nhiệm vụ đối với Thẩm phán phải căn cứ vào trình độ chuyên môn, kinh nghiệm xét xử, sở trường công tác của mỗi Thẩm phán. Đồng thời có cơ chế tạo áp lực để Thẩm phán phải luôn cố gắng hoàn thành tốt

nhiệm vụ được giao, thay thế những Thẩm phán không đáp ứng được yêu cầu như: Xử oan người vô tội, xử sai tội danh, bỏ lọt tội phạm...Kỷ luật nghiêm những Thẩm phán thiếu tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, dọa nạt, vòi vĩnh, đòi hỏi lộ...

Việc luân chuyển Thẩm phán chỉ nên đặt ra đối với Thẩm phán là nguồn bổ nhiệm chánh án Tòa án, vì chánh án là người lãnh đạo cơ quan Tòa án, chịu trách nhiệm phân công tổ chức hoạt động xét xử của Tòa án, đòi hỏi phải có năng lực chuyên môn vượt trội, toàn diện và kinh nghiệm quản lý, điều hành hoạt động xét xử các loại án thuộc thẩm quyền của Tòa án, như: Hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính. Nguồn bổ nhiệm chánh án Tòa án cấp huyện nên lựa chọn Thẩm phán cấp tỉnh (Thẩm phán trung cấp) luân chuyển qua các Tòa chuyên trách trước khi bổ nhiệm chánh án cấp huyện. Các đồng chí này hoàn thành tốt nhiệm vụ sẽ là nguồn bổ nhiệm chánh án Tòa án cấp tỉnh. Còn đối với các chức danh phó chánh án phụ trách một vài tòa chuyên trách hoặc chánh, phó tòa chuyên trách, phó chánh án cấp huyện nên chọn những Thẩm phán có chuyên môn giỏi về lĩnh vực ấy. Đối với Thẩm phán của tòa chuyên trách cấp tỉnh nên lựa chọn những Thẩm phán cấp huyện hoặc thư ký của tòa chuyên trách ấy giỏi về chuyên môn nghiệp vụ.

+ *Đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức đối với Thẩm phán và công chức Tòa án.*

Phát động toàn thể Thẩm phán, công chức Tòa án tích cực học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện tốt lời Bác Hồ dạy: "Phụng công thủ pháp, chí công vô tư". Không chỉ có đủ năng lực trình độ mà mỗi Thẩm phán cần phải tự ý thức được rằng: Quyền lực nhà nước là của nhân dân, nhân dân trao cho mình là để phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân. Không được sử dụng tùy tiện quyền lực ấy hoặc để tư lợi cho mình. Người Thẩm phán phải biết vượt qua các cám dỗ, để tận tụy phục vụ nhân dân, trung thành với Tổ quốc, với chế độ, dũng cảm bảo vệ công lý, công bằng xã hội, quyền và lợi ích chính đáng hợp pháp của công dân. Mặt khác Tòa án phải kịp thời phát hiện và xử lý đối với Thẩm phán, công chức có sai phạm hoặc không đáp ứng được nhiệm vụ được giao, để xây dựng Tòa án thực sự trong

sạch là chỗ dựa vững chắc của người dân.

3.2.2.2. Nâng cao chất lượng hoạt động, chế độ đãi ngộ, trách nhiệm và đảm bảo sự độc lập của Hội thẩm nhân dân

Hội thẩm nhân dân là những thành viên của Hội đồng xét xử, là những người có uy tín trong nhân dân được Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra để thay mặt nhân dân trực tiếp tham gia xét xử các vụ án, là chủ thể quan trọng trong việc áp dụng hình phạt hình sự tại Tòa án, đặc biệt là xét xử sơ thẩm án hình sự thì quyết định của bản án chính là quyết định của các Hội thẩm vì số Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử đông hơn Thẩm phán mà lại biểu quyết theo đa số, Thẩm phán ngang quyền với Hội thẩm. Các phán quyết sơ thẩm này không bao giờ có hiệu lực pháp luật ngay mà phải sau một thời gian nhất định, các chủ thể bị ADPL cảm thấy quyết định là phù hợp và Viện kiểm sát thấy phán quyết đã đúng pháp luật, họ không có kháng cáo, kháng nghị thì phán quyết này mới có hiệu lực pháp luật.

Sau khi đoàn hội thẩm được bầu ra thì Tòa án cần tổ chức tập huấn nghiệp vụ xét xử, bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho các Hội thẩm nhân dân. Vì là đại diện cho nhân dân không chỉ căn cứ vào pháp luật mà còn căn cứ vào lẽ công bằng, lẽ phải ở đời, dưới góc nhìn của những người dân để phán quyết đối với bị cáo có tội hay không có tội, tội danh gì và mức hình phạt tương xứng. Vì vậy không thể yêu cầu Hội thẩm phải có trình độ chuyên môn cao, chuyên nghiệp như Thẩm phán. Không chỉ Việt Nam mà hầu hết các nước trên thế giới, thành viên bồi thẩm đoàn đều là những công dân có uy tín đại diện cho các bộ phận dân cư trực tiếp tham gia xét xử, không yêu cầu cao về tiêu chuẩn trình độ pháp lý. Tuy nhiên các Hội thẩm nhân dân cần chủ động tìm hiểu pháp luật, nâng cao trách nhiệm của mình đối với công tác xét xử, để có đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ Hội thẩm của mình.

Đoàn Hội thẩm nhân dân cần độc lập về tài chính và việc bố trí Hội thẩm tham gia phiên tòa.

Để khuyến khích Hội thẩm nhân dân nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực nghiên cứu hồ sơ, tham gia xét xử có hiệu quả cần có chế độ đãi ngộ tương xứng. Kinh phí hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân cần phải độc lập không phụ

thuộc vào Tòa án như hiện nay, để đoàn hội thẩm chủ động chi trực tiếp cho các Hội thẩm tham gia nghiên cứu hồ sơ và xét xử. Mặt khác cũng là để tạo điều kiện cho Hội thẩm nhân dân độc lập khi xét xử, giao việc bố trí Hội thẩm tham gia phiên tòa cho Đoàn Hội thẩm. Đoàn Hội thẩm cần có quy chế bố trí Hội thẩm lần lượt tham gia phiên tòa, nếu vì lý do không tham gia xét xử được khi đến lượt phải có văn bản báo cáo và được bố trí tham gia vào lần tiếp theo. Tránh tình trạng Hội thẩm không theo định hướng của Thẩm phán khi nghị án thì ít được mời tham gia xét xử hoặc để tiết kiệm kinh phí, thời gian Tòa án bố trí cho Hội thẩm nghiên cứu hồ sơ quá ít so với yêu cầu.

3.2.2.3. Bảo đảm nguyên tắc khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Hội đồng xét xử gồm các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân nhân danh quyền lực nhà nước để phán quyết một công dân có tội hay không có tội, nếu có tội phải gánh chịu hình phạt rất nghiêm khắc, kể cả tước đoạt tính mạng. Vì vậy không thể giao cho riêng một cá nhân nào, mà phải là tập thể Hội đồng xét xử quyết định, các thành viên có quyền ngang nhau, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Đó là yêu cầu tối cao để bảo đảm cho việc xét xử khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không xử oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Nguyên tắc này được đảm bảo dưới các khía cạnh sau:

Thứ nhất: Độc lập với những yếu tố khách quan tác động từ bên ngoài Tòa án, như của cấp ủy Đảng lãnh đạo trực tiếp; Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc đánh giá, tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán; Tác động của cơ quan, người tiến hành tố tụng khác (như cơ quan điều tra, viện kiểm sát...), hoặc tác động của những người tham gia tố tụng (bị cáo và gia đình, người bị hại, luật sư...). Dư luận xã hội, thông tin trước phiên tòa của các cơ quan thông tin đại chúng cũng là những yếu tố tác động đến sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm.

Thứ hai: Độc lập từ các yếu tố khách quan tác động từ bên trong các mối quan hệ nội bộ của Tòa án. Độc lập giữa Tòa án cấp dưới với Tòa án cấp trên, độc lập trong nội bộ một Tòa án, giữa Thẩm phán chủ tọa với Chánh án, Chánh tòa.

Cần phải tách bạch giữa quan hệ hành chính với quan hệ tố tụng. Đề cao trách nhiệm của Hội đồng xét xử đối với phán quyết của mình, tránh việc ỷ lại đường lối của tập thể, của Tòa án cấp trên hoặc phụ thuộc vào quan điểm của cơ quan tố tụng khác, bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, khi xét xử chỉ tuân theo pháp luật. Phán quyết của Hội đồng xét xử phải dựa vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Thứ ba: Độc lập giữa các thành viên trong Hội đồng xét xử, mỗi thành viên độc lập và ngang quyền với nhau trong việc đánh giá chứng cứ và đưa ra kết luận. Khi nghị án chỉ có các thành viên Hội đồng xét xử mới được nghị án, Thẩm phán phải tôn trọng Hội thẩm, không được áp đặt ý kiến của mình cho Hội thẩm. Hội thẩm có quyền đưa ra ý kiến và kết luận độc lập của mình về vụ án. Các vấn đề của vụ án được các thành viên của Hội đồng xét xử biểu quyết từng vấn đề một, Thẩm phán biểu quyết sau cùng. Quyết định của bản án là quyết định của đa số thành viên Hội đồng xét xử, ý kiến thiểu số khi nghị án được bảo lưu bằng văn bản lưu trong hồ sơ vụ án.

Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là hai nội dung có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Chỉ khi nào bảo đảm cho Thẩm phán và Hội thẩm độc lập, thì họ mới chỉ tuân theo pháp luật và ngược lại. Thẩm phán và Hội thẩm độc lập mới nâng cao được chất lượng xét xử, nâng cao trách nhiệm cá nhân của các thành viên Hội đồng xét xử, đúng với tính chất của hoạt động xét xử, bảo đảm khách quan đúng với diễn biến phiên tòa.

Kết luận chương 3

Qua nghiên cứu chương 3 của luận văn với tiêu đề “Quan điểm nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân” chúng ta có thể rút ra những kết luận sau:

Một là, quan điểm thống nhất của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay đó là quán triệt chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 trong đó nội dung quan trọng là nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án, lấy tòa án làm trung tâm, hoạt

động xét xử là trọng tâm của cải cách tư pháp. Trong cải cách tư pháp thì hoạt động xét xử hình sự, trong đó có hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án là quan trọng nhất.

Thứ hai, đề tài đã đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân, các giải pháp này thể hiện ở việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự có liên quan đến áp dụng hình phạt, nâng cao chất lượng đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, tăng cường quản lý chỉ đạo điều hành trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân.

KẾT LUẬN

Áp dụng pháp luật là một trong những hình thức thực hiện pháp luật, do các cá nhân hoặc các cơ quan tổ chức có thẩm quyền thực hiện. Một trong những hoạt động quan trọng của áp dụng pháp luật hình sự của Tòa án là áp dụng hình phạt. Đây cũng là một hình thức thực hiện pháp luật, nên nó có đặc điểm chung của hoạt động ADPL nhưng nó có những đặc thù riêng đó là chủ yếu được tiến hành công khai tại phiên tòa và do Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ nghiêm ngặt các thủ tục tố tụng hình sự. Để đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đòi hỏi của người dân đối với cơ quan tư pháp nói chung và Tòa án nói riêng, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật về tổ chức và hoạt động xét xử của Tòa án. Cụ thể: Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị đã xác định: Khi xét xử, các Tòa án phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ khách quan; Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; Việc phán quyết phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, của bị cáo, nguyên đơn, bị đơn.

Vì vậy, nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án nói chung xét xử hình sự nói riêng đang là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Qua nghiên cứu thực tế toàn bộ hoạt động xét xử hình sự nói chung và áp dụng hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ nói riêng trong 05 năm từ 2012 đến năm 2016 thấy rằng, hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án là do Hội đồng xét xử áp dụng tại phiên tòa, theo thủ tục tố tụng hình sự, kết quả được thể hiện dưới hình thức là những bản án. Trong những năm qua hầu hết hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án huyện Phúc Thọ là đúng quy định của pháp luật, góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển.

Trên cơ sở nghiên cứu đề tài, tác giả có một số kiến nghị sau:

Thứ nhất: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xét xử của

Tòa án; tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của Tòa án và hoàn thiện BLHS, BLTTHS để phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và thực tiễn áp dụng hình phạt.

Thứ hai: Chủ thể trực tiếp áp dụng hình phạt của Tòa án là Hội đồng xét xử. Cần phải nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức của đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm cũng như có chế độ đãi ngộ thỏa đáng, sử dụng hợp lý đối với họ. Đồng thời tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ xét xử.

Thứ ba: Cần có cơ chế bảo đảm cho Thẩm phán và Hội thẩm khi xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, đề cao trách nhiệm của Hội đồng xét xử cũng như mỗi thành viên Hội đồng xét xử đối với phán quyết của mình. Bảo đảm tranh tụng thực sự dân chủ, bình đẳng và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa là cơ sở để Hội đồng xét xử quyết định tội danh và hình phạt đối với bị cáo cũng như các vấn đề khác của vụ án.

Chỉ khi áp dụng đồng bộ các giải pháp này mới bảo đảm được chất lượng hoạt động áp dụng hình phạt Tòa án, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay và xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân do dân và vì dân.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp (1995), *Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Lê Cẩm (2006), "Các nguyên tắc cơ bản của cải cách tư pháp trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam, *Tòa án nhân dân*, (01).
3. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự - Phần chung*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Kết luận số 79 ngày 28/7 của Bộ Chính trị về đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan điều tra theo nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005*, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Nguyễn Minh Đoan (1997), *Hiệu quả pháp luật - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Nguyễn Minh Đoan (2009), "Bàn thêm về cải cách tư pháp ở Việt Nam",

Tòa án nhân dân, (14).

15. Phạm Hồng Hải (1999), *Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

16. Phạm Hồng Hải (1999), "Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự - một vài vấn đề lý luận và thực tiễn", *Nhà nước và pháp luật*, (6).

17. Phạm Hồng Hải (2003), "Đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả của hoạt động tư pháp", *Luật học*, (2).

18. Phạm Hồng Hải (2003), *Mô hình lý luận Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

19. Hoàng Văn Hào (1999), "Xã hội hóa một số hoạt động của cơ quan tư pháp nhìn từ góc độ dân chủ", *Dân chủ và pháp luật*, (8).

20. Hoàng Văn Hào (2003), "Vấn đề dân chủ và các đặc trưng của mô hình tổng thể Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam", *Nhà nước và pháp luật*, (2).

21. Nguyễn Văn Hiện (2001), "Nâng cao chất lượng soạn thảo bản án hình sự - một yêu cầu cấp bách", *Dân chủ và pháp luật*, (4).

22. Nguyễn Văn Hiện (2002), "Tăng cường năng lực xét xử của tòa án cấp huyện - một số vấn đề cấp bách", *Tòa án nhân dân*, (1).

24. Phan Chí Hiếu (2011), "Đào tạo các chức danh tư pháp - nhiệm vụ quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch vững mạnh", *Dân chủ và pháp luật*, (01).

25. Nguyễn Ngọc Hòa (2000), "Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 1999", *Luật học*, (2).

26. Nguyễn Mạnh Kháng (2003), "Cải cách tư pháp và vấn đề tranh tụng", *Nhà nước và pháp luật*, (10).

27. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2006), *Giáo trình Lý luận chung Nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

28. Hoàng Thế Liên (2004), "Xây dựng Nhà nước pháp quyền từ lý luận đến thực tiễn", *Dân chủ và pháp luật*, (1).

29. Hoàng Thế Liên (2011), "Về hệ thống cơ quan xét xử và vấn đề công tố, *Dân chủ và pháp luật*, (01).
30. Nguyễn Văn Luyện (2003), "Đur luận xã hội và pháp luật", *Nhà nước và pháp luật*, (3).
31. Đinh Văn Mậu - Phạm Hồng Thái (1997), *Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh
32. Đinh Văn Mậu - Phạm Hồng Thái (2002), *Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Tổng hợp, Đồng Nai.
33. Nguyễn Như Phát (2004), "Một số ý kiến về cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay", *Nhà nước và pháp luật*, (3).
34. Đặng Quang Phương (2004), "Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh là đòi hỏi tất yếu trong thi hành pháp luật", *Tòa án nhân dân*, (7).
38. Hoàng Thị Kim Quế (2004), "Nhận diện nhà nước pháp quyền", *Nghiên cứu lập pháp*, (4).
39. Đinh Văn Quế (1999), *Pháp luật, thực tiễn và án lệ*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
40. Đinh Văn Quế (2011), "Nguyên tắc suy đoán vô tội", *Tòa án nhân dân*, (12).
41. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
42. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
43. Quốc hội (2001), *Hiến pháp (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội
44. Quốc hội (2002), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
45. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
46. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
47. Quốc hội (2010), *Luật Thi hành án hình sự*, Hà Nội.
48. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội
49. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội
50. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội
51. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội
52. Nguyễn Duy Quý (2001), "Vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân", *Báo Nhân Dân*, ngày 29/11.

53. Lê Minh Tâm (2002), "Về tư tưởng Nhà nước pháp quyền và khái niệm Nhà nước pháp quyền", *Luật học*, (2).
54. Lê Minh Tâm (2003), "Hệ thống cơ quan tư pháp Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay", *Luật học*, (1).
55. Chu Hồng Thanh (1990), "Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp luật dân chủ nhân dân Việt Nam", *Nghiên cứu lý luận*, (4).
56. Chu Hồng Thanh (2001), "Bảo đảm công bằng xã hội trong tư pháp", *Dân chủ và pháp luật*, (2).
57. Đỗ Ngọc Thịnh (2003), "Tăng cường công tác đào tạo các chức danh tư pháp trong điều kiện cải cách tư pháp ở nước ta", *Đặc san Nghề Luật*, (4).
58. Ngô Ngọc Thủy (1998), "Chính sách pháp luật, chính sách hình sự trong sự nghiệp đổi mới của Nhà nước ta", *Luật học*, (5).
55. Phan Hữu Thư (2003), "Đạo đức nghề luật", *Đặc san Nghề luật*, (3) và (4).
56. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Các văn bản pháp luật và hướng dẫn thi hành về tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân*, Hà Nội.
57. Hà Mạnh Trí (2003), "Sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự nhằm đấu tranh có hiệu quả với tội phạm, bảo vệ tốt hơn quyền tự do dân chủ của công dân", *Kiểm sát*, (6).
58. Trường Đại học Luật Hà Nội (2003)., *Giáo trình Luật hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
59. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội
60. Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ (2012-2016), *Báo cáo tổng kết công tác xét xử các năm từ 2012 đến năm 2016*, Hà Nội
61. Nguyễn Văn Tuấn (2011), "Đảm bảo sự độc lập của Thẩm phán trong hoạt động xét xử", *Dân chủ pháp luật*, (01).
62. *Từ điển Luật học* (1999), Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
63. Đào Trí Úc (1993), *Những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
64. Đào Trí Úc (2003), "Cải cách tư pháp: ý nghĩa, mục đích và trọng tâm",

Nhà nước và pháp luật, (2).

65. Đào Trí Úc (2003), "Về vị trí, vai trò, đặc trưng và các nguyên tắc của hoạt động tư pháp", *Nhà nước và pháp luật*, (7).

66. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý (2000), "Người thẩm phán nhân dân", *Thông tin khoa học pháp lý*, (5).

70. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý (2001), "Văn hóa tư pháp", *Thông tin khoa học pháp lý*, (7).

71. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý (2001), *Một số vấn đề về hoàn thiện tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

72. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý (2001), "Các giải pháp chống hình sự hóa các giao dịch dân sự, kinh tế", *Thông tin khoa học pháp lý*, (9).

73. Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (1995), *Những vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

74. Viện Từ điển học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, NXB. Từ điển bách khoa, Hà Nội

75. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.